



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

Bản tin KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 6/2025



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 5/2025	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	4
2. Dự báo tăng trưởng	10
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	12
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 5/2025	12
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	12
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	12
1.1.2. Xuất nhập khẩu	13
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	14
1.1.4. Hoạt động đầu tư	14
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	16
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	16
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	16
1.2.2. Lãi suất	17
1.2.3. Tỷ giá	19
1.2.4. Chứng khoán	19
1.2.5. Lạm phát	20
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	22
2.1. Về chủ trương, chính sách	22
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	25
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	26
1. Thị trường dầu thô	26
2. Thị trường khí	33
3. Thị trường phân bón	38
4. Thị trường điện	42
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	46
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 5 năm 2025	47



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

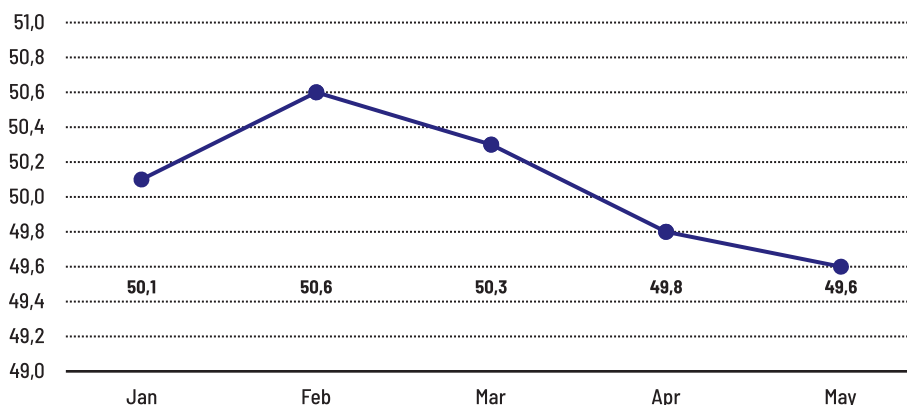
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 5/2025

1.1. Tổng quan chung

Trong tháng 5/2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp và khó lường, chủ yếu do chịu tác động từ các chính sách thuế quan của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump. Đồng thời, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông cũng ngày càng leo thang, đặc biệt khi Israel được cho là đang chuẩn bị tiến hành các cuộc tấn công vào các cơ sở hạt nhân của Iran, càng làm gia tăng mức độ bất ổn trên thị trường hàng hóa toàn cầu.

Chỉ số *PMI sản xuất toàn cầu tháng 5/2025 đạt 49,6 điểm, giảm 0,2 điểm so với tháng 4/2025 (49,8 điểm)*, thấp nhất trong vòng 5 tháng đầu năm và vẫn duy trì dưới mức trung tính. Mặc dù sản lượng toàn cầu tiếp tục tăng trong tháng 4, sản lượng xuất khẩu và chỉ số niềm tin đã giảm trong khi việc làm đình trệ sau khi Mỹ công bố thuế quan bổ sung. Giá hàng hóa và dịch vụ tăng nhanh hơn. Nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng dưới 2,0% vào đầu quý 2/2025.

CHỈ SỐ PMI SẢN XUẤT TOÀN CẦU NĂM THÁNG ĐẦU NĂM 2025

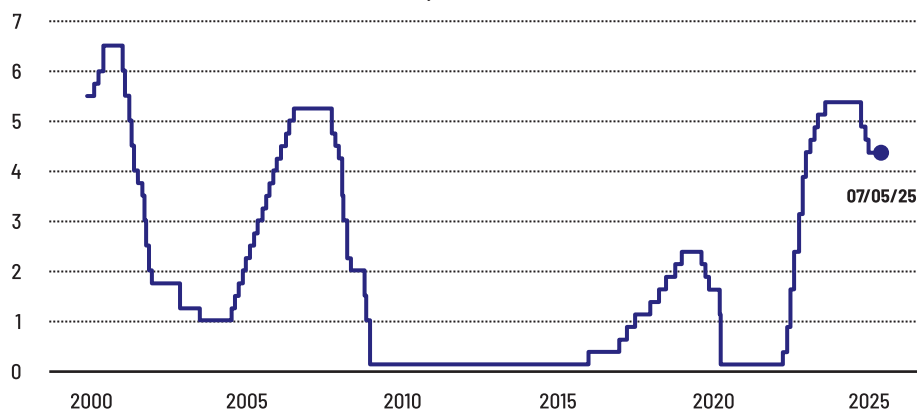


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong bối cảnh đó, ngày 7/5, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 4,25% - 4,5%, phản ánh sự thận trọng trước áp lực lạm phát kéo dài và nguy cơ gia tăng tỷ lệ thất nghiệp.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: %/năm



Nguồn: Fed

Đáng chú ý, một tín hiệu tích cực đã xuất hiện trong tháng qua khi vào ngày 12/5, Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận tạm ngừng áp thuế trong vòng 90 ngày. Theo đó, Mỹ sẽ giảm thuế đối với hàng hóa Trung Quốc từ 145% xuống còn 30%, trong khi Trung Quốc cũng cam kết hạ mức thuế với hàng hóa Mỹ từ 125% xuống 10%. Thỏa thuận này giúp xoa dịu phần nào cuộc chiến thương mại kéo dài giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới, nhưng căng thẳng vẫn âm ỉ và chưa có dấu hiệu được giải quyết triệt để.

Động thái này đã ngay lập tức cải thiện tâm lý nhà đầu tư, giá dầu phục hồi mạnh mẽ trong khi giá vàng điều chỉnh giảm nhẹ sau chuỗi tăng liên tục. Các chỉ số chứng khoán toàn cầu cũng ghi nhận sự khởi sắc, phản ánh kỳ vọng của giới tài chính vào khả năng duy trì ổn định ngắn hạn. Tuy nhiên, đà suy yếu của đồng USD vẫn tiếp diễn trong suốt tháng 5/2025, khi chỉ số Dollar Index ghi nhận xu hướng giảm nhẹ do lo ngại lạm phát gia tăng khi chi phí nhập khẩu bị đẩy lên bởi các chính sách thuế quan mới, làm suy giảm vai trò trú ẩn an toàn truyền thống của đồng đô la Mỹ (USD) trên thị trường tài chính toàn cầu.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ DOLLAR INDEX THÁNG 7/2024 ĐẾN THÁNG 5/2025

Chỉ số Dollar Index đo lường giá trị của đồng đô la Mỹ so với rổ 6 loại tiền tệ gồm: euro, yên Nhật, bảng Anh, đô la Canada, krona Thụy Điển và franc Thụy Sĩ



Nguồn: Trading Economics

Song song với đó, số lượng đơn hàng vận chuyển giữa Mỹ và Trung Quốc tăng đột biến, lên tới 300%, mang lại nguồn thu lớn cho các hãng vận tải biển toàn cầu. Tuy nhiên, thỏa thuận giảm thuế tạm thời 90 ngày khó tạo ra sự phục hồi bền vững, khi lưu lượng hàng hóa xuyên Thái Bình Dương từng giảm 25 - 40% trong tháng trước. Dù thuế quan được nới lỏng, giá tiêu dùng vẫn tăng do chi phí bị đẩy lên, khiến nhu cầu sụt giảm và gia tăng áp lực lên ngành logistics.

Tiếp nối chuỗi điều chỉnh về chính sách thương mại, ngày 25/5, Tổng thống Trump bất ngờ tuyên bố tạm hoãn việc áp mức thuế 50% đối với Liên minh châu Âu cho đến ngày 9/7, đồng thời hạ mức thuế tạm thời xuống còn 10%. Ngoài ra, Mỹ cũng hoãn áp dụng các mức thuế mới đối với nhiều đối tác thương mại khác, qua đó làm dịu căng thẳng và hỗ trợ tâm lý các nhà đầu tư trên thị trường quốc tế.

Trong khi đó, dưới áp lực từ chính sách thuế quan và nỗ lực tái cấu trúc chuỗi cung ứng của Mỹ nhằm giảm thâm hụt thương mại, nhiều quốc gia đã linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh tế đối ngoại để duy trì quan hệ với Mỹ mà vẫn bảo vệ tăng trưởng xuất khẩu, điển hình như Hàn Quốc đã chuyển trọng tâm sang đầu tư chiến lược song phương, Mexico nâng cấp vai trò từ nhà cung ứng thành đối tác công nghiệp, còn Đức tiếp tục phát huy lợi thế về chất lượng và vị trí địa lý...

Dù xuất hiện một số tín hiệu tích cực nhưng triển vọng kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhiều quốc gia đang phát triển rơi vào vòng xoáy nợ khi mức nợ công và nợ nước ngoài tích lũy với tốc độ kỷ lục, làm gia tăng nguy cơ mất cân đối tài chính. Bên cạnh đó, sự thất thường trong chính sách thuế quan của chính quyền Tổng thống Trump không chỉ tạo ra môi trường kinh doanh khó đoán mà còn làm suy giảm niềm tin thị trường. Căng thẳng địa chính trị và sự thiếu chắc chắn trong quan hệ Mỹ - Trung tiếp tục là những yếu tố gây áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng. Việc gián đoạn nguồn cung hoặc tăng chi phí nhập khẩu dầu thô và khí đốt có thể làm tăng chi phí sản xuất ở quy mô toàn cầu, kéo theo áp lực lạm phát và ảnh hưởng tiêu cực đến tiêu dùng nội địa ở nhiều quốc gia.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

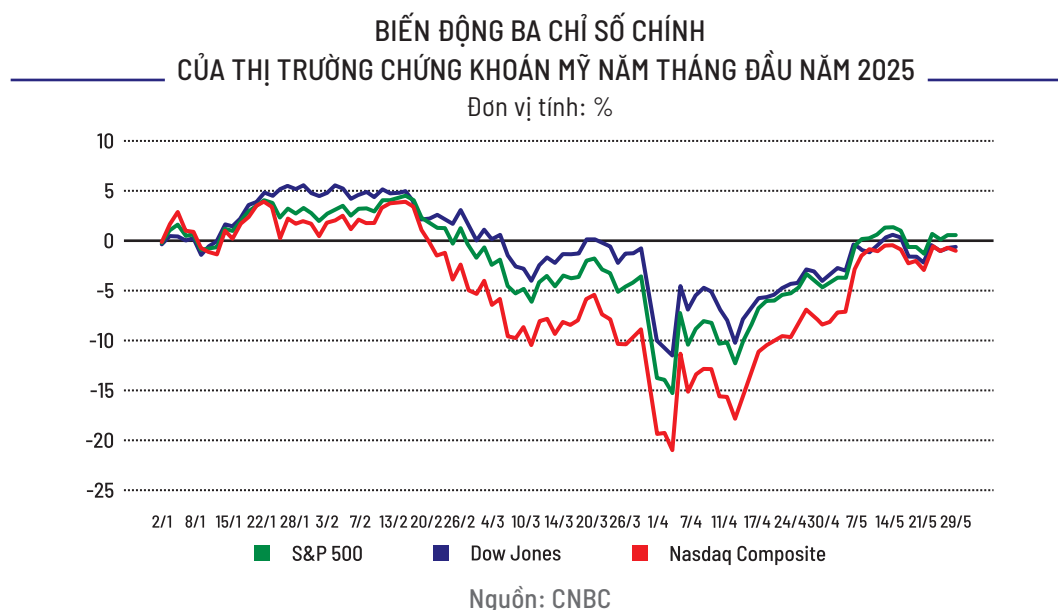
■ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 5/2025 đạt 52 điểm - tăng 1,8 điểm so với tháng 4/2025 (50,2), thể hiện mức tăng trưởng vững chắc và là mức tốt nhất kể từ tháng 2/2025.

Thuế quan và chính sách thương mại tiếp tục chi phối bối cảnh sản xuất vào tháng 5/2025. Đơn đặt hàng tăng cho thấy những nỗ lực của khách hàng nhằm chạy trước giá liên quan đến thuế quan tăng và sự gián đoạn chuỗi cung ứng, lượng hàng tồn kho đầu vào tăng kỷ lục, trong khi giá đầu vào được ghi nhận bắt đầu tăng do thuế quan và lạm phát chi phí đầu ra là cao nhất kể từ tháng 11/2022.

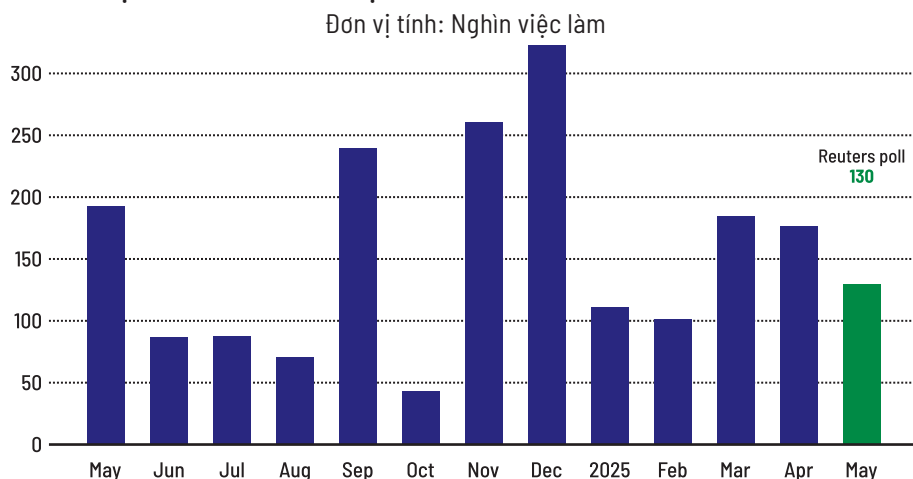
Bên cạnh đó, tình hình tài khóa của Mỹ tiếp tục gây lo ngại khi vào ngày 16/5, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Ratings đã hạ bậc xếp hạng tín nhiệm của Mỹ từ Aaa xuống Aa1 do tình trạng nợ công gia tăng đáng lo ngại cùng với gánh nặng chi phí lãi vay và chi tiêu phúc lợi xã hội ngày càng lớn.

Trái ngược với bức tranh sản xuất và tài khóa ảm đạm, thị trường chứng khoán Mỹ lại chứng kiến một tháng phục hồi ấn tượng. Tâm lý nhà đầu tư được cải thiện đáng kể sau khi Mỹ và Trung Quốc chính thức đạt được thỏa thuận tạm ngừng áp thuế vào ngày 12/5, cùng với thỏa thuận thương mại song phương giữa Mỹ và Anh đạt được đầu tháng. Những diễn biến tích cực này được kỳ vọng sẽ giúp hạ nhiệt căng thẳng thương mại kéo dài hơn một năm qua, góp phần ổn định chuỗi cung ứng toàn cầu và thúc đẩy thương mại song phương trong thời gian tới. Nhờ đó, cả ba chỉ số chứng khoán chính của Mỹ đều tăng mạnh so với tháng trước, trong đó, Nasdaq Composite tăng 9,6%, S&P 500 tăng 6,2% và Dow Jones tăng 3,9%.



Trong khi đó, thị trường lao động lại có dấu hiệu chững lại. Trong tháng qua, Mỹ chỉ tạo thêm khoảng 130.000 việc làm mới, giảm so với mức 177.000 của tháng trước, phản ánh tác động tiêu cực từ chi phí sản xuất tăng và môi trường chính sách bất ổn. Dù vậy, giá xăng tiếp tục duy trì ở mức thấp, đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ tiêu dùng và kiểm chế lạm phát.

SỐ VIỆC LÀM KINH TẾ MỸ TẠO RA TỪ THÁNG 5/2024 ĐẾN THÁNG 5/2025

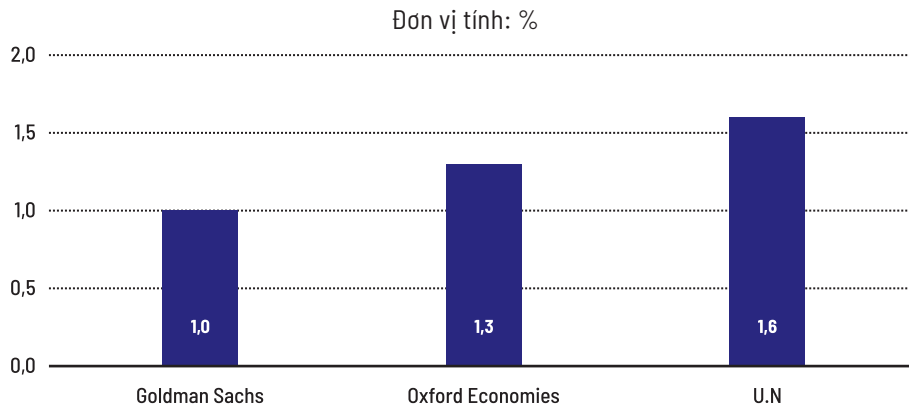


Nguồn: Cục Thống kê Lao động Mỹ

Mặt khác, chính sách tài khóa của Mỹ trong tháng qua tiếp tục gây tranh cãi khi gia tăng rủi ro nợ công và căng thẳng thương mại lên nền kinh tế Mỹ. Ngày 23/5, Hạ viện Mỹ thông qua dự luật thuế và chi tiêu do Đảng Cộng hòa đề xuất, trong đó gia hạn một phần chính sách giảm thuế từ năm 2017, tăng chi tiêu quốc phòng và cắt giảm phúc lợi xã hội. Dự luật này được ước tính có thể làm nợ công tăng thêm 3-4 nghìn tỷ USD trong vòng một thập kỷ tới. Chưa đầy một tuần sau, ngày 30/5, Tổng thống Donald Trump tuyên bố tăng thuế nhập khẩu thép và nhôm từ 25% lên 50%, bắt đầu từ ngày 4/6, làm dấy lên lo ngại về chi phí sản xuất gia tăng và căng thẳng thương mại leo thang trở lại.

Ngoài những yếu tố trên, nền kinh tế Mỹ còn phải đối mặt với nhiều yếu tố tiêu cực khác như khủng hoảng nhập cư, xu hướng cắt giảm nhân sự và gánh nặng nợ sinh viên ngày càng lớn... Trong bối cảnh nhiều thách thức chồng chéo, các tổ chức quốc tế tiếp tục đưa ra những dự báo trái chiều về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ. Ngày 12/5, Goldman Sachs nâng dự báo tăng trưởng GDP Mỹ năm 2025 lên 1%, từ mức 0,5% trước đó. Oxford Economics cũng điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2025 lên 1,3%, nhấn mạnh tác động tích cực từ việc giảm quy định, kích thích tài khóa và cải thiện tính ổn định chính sách. Ngược lại, ngày 15/5, Liên Hợp Quốc lại dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm nay sẽ giảm còn 1,6%, so với mức 2,8% của năm ngoái.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỸ NĂM 2025



Nguồn: Goldman Sachs, Oxford Economics, Liên Hợp Quốc

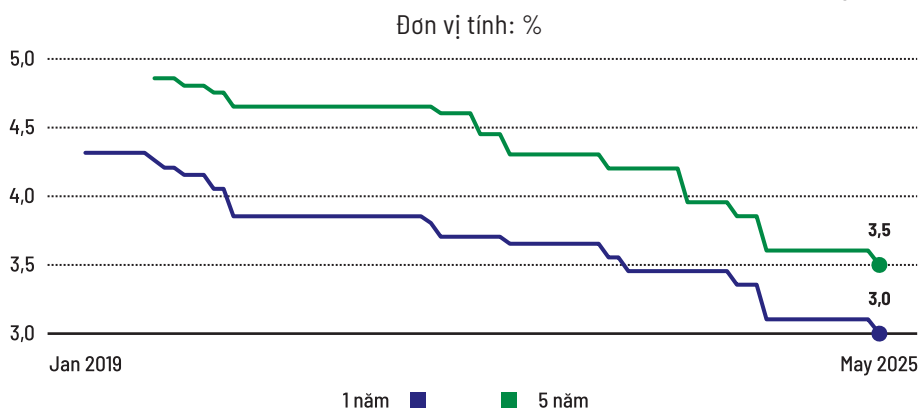
■ Trung Quốc

Áp lực giảm phát và sự suy giảm trong hoạt động sản xuất tiếp tục kìm hãm đà phục hồi của kinh tế Trung Quốc trong tháng 5/2025. *PMI sản xuất tháng 4/2025 đạt 48,3 điểm, giảm 2,1 điểm so với tháng 4/2025 (50,4 điểm)*. Đây là mức thấp nhất được ghi nhận kể từ tháng 9/2022. Nguyên nhân chính là việc giảm đơn đặt hàng mới. Lượng công việc mới đã giảm với tốc độ nhanh nhất trong hơn hai năm rưỡi, một phần là do sự sụt giảm hàng tháng thứ hai liên tiếp của các đơn đặt hàng xuất khẩu.

Mặt khác, dù căng thẳng thương mại với Mỹ đã tạm lắng sau thỏa thuận tạm ngừng áp thuế vào ngày 12/5, góp phần giảm bớt áp lực lên xuất khẩu và giúp thị trường chứng khoán Trung Quốc phục hồi mạnh, tuy nhiên, các biện pháp kích thích tài khóa và tiền tệ của chính phủ đến nay vẫn chưa cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc thúc đẩy tăng trưởng thực chất.

Trong tháng qua, ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã liên tiếp có những động thái hỗ trợ nền kinh tế như hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên tới 50 điểm cơ bản, giúp giải phóng khoảng 1.000 tỷ Nhân dân tệ, tương đương hơn 138 tỷ USD vào hệ thống tài chính của nước này. Đặc biệt, ngày 20/5, PBOC đã điều chỉnh lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm từ 3,1% xuống 3% và kỳ hạn 5 năm từ 3,6% xuống 3,5%.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC



Nguồn: PBOC

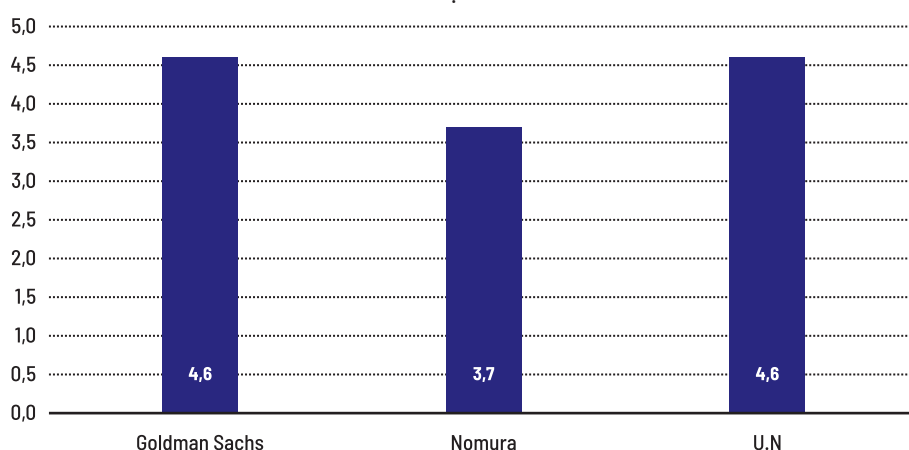
Bất chấp loạt biện pháp nói lỏng tiền tệ, lĩnh vực bất động sản vẫn chưa hồi phục khi cả giá nhà cũ và nhà mới tiếp tục giảm. Trước tình trạng đó, Trung Quốc đang xem xét cải cách sâu rộng, hướng tới chấm dứt mô hình bán nhà hình thành trong tương lai, được cho là nguyên nhân chính khiến khủng hoảng bất động sản trở nên trầm trọng hơn.

Bên cạnh nỗ lực phục hồi trong nước, Trung Quốc cũng đang đẩy mạnh chiến lược tự cường công nghệ nhằm giảm thiểu tác động từ các hạn chế của Mỹ thông qua việc thúc đẩy ứng dụng AI, robot và công nghệ mới trong sản xuất, đồng thời phát triển kinh tế số, kinh tế tăng thấp và du lịch. Ngoài ra, nước này sẽ tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước. Tiêu biểu, ngày 18/5, Bộ Thương mại Trung Quốc đã áp thuế chống bán phá giá lên tới 74,9% đối với các sản phẩm nhựa kỹ thuật POM copolymer nhập khẩu từ Liên minh châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Đài Loan.

Mặc dù còn nhiều thách thức như già hóa dân số, tỷ lệ thất nghiệp cao và nhu cầu tiêu dùng suy yếu, triển vọng tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đang có dấu hiệu tích cực hơn. Goldman Sachs đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc cho năm 2025 từ 4% lên 4,6%, trong khi Tổ chức tài chính Nomura điều chỉnh từ 3,5% lên 3,7%. Trái lại, ngày 15/5, Liên Hợp Quốc vẫn giữ quan điểm thận trọng, khi dự báo kinh tế Trung Quốc năm 2025 chỉ tăng trưởng 4,6%, giảm so với mức 5% của năm 2024, do những khó khăn kéo dài trong lĩnh vực bất động sản, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRUNG QUỐC NĂM 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Goldman Sachs, Nomura, Liên Hợp Quốc

■ EU

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 5/2025 đạt 49,4 điểm, tăng 0,4 điểm so với tháng 4/2025 (đạt 49,0 điểm), tiếp tục duy trì đà mở rộng liên tiếp kể từ đầu năm 2025 mặc dù chưa vượt qua ngưỡng trung tính. Nguyên nhân chủ yếu là do sự sụt giảm của các đơn hàng mới, bắt nguồn từ lo ngại về các rủi ro thuế quan từ Mỹ. Điều này khiến các doanh nghiệp và khách hàng trở nên thận trọng hơn trong việc ký kết các hợp đồng thương mại mới.

Đáng chú ý, trong tháng qua, ngày 25/5, Mỹ đã tuyên bố tạm hoãn áp mức thuế 50% đối với hàng hóa từ EU cho đến ngày 9/7, giúp ổn định phần nào tâm lý của các nhà kinh doanh và mang lại hy vọng cho các cuộc đàm phán thương mại tiếp theo.

Ngoài ra, lạm phát tại khu vực đồng tiền chung châu Âu đã giảm xuống còn 1,9% trong tháng qua, thấp hơn mục tiêu 2% mà Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đề ra. Đây được xem là tín hiệu tích cực trong ngắn hạn khi giúp cải thiện sức mua của người tiêu dùng và giảm áp lực lãi suất, từ đó hỗ trợ tiêu dùng nội địa.

Trên thị trường tài chính, chỉ số chứng khoán STOXX 600 của châu Âu đã tăng 4% trong tháng 5, tiếp nối đà phục hồi mạnh mẽ sau cú sụt sâu hồi đầu tháng trước nhờ kỳ vọng lạm phát và lãi suất tiếp tục hạ nhiệt, kết hợp với kết quả kinh doanh quý I/2025 khả quan từ nhiều doanh nghiệp lớn, cùng với sự lắng dịu tạm thời của căng thẳng địa chính trị.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN STOXX 600 NĂM THÁNG ĐẦU NĂM 2025



Nguồn: ISS STOXX

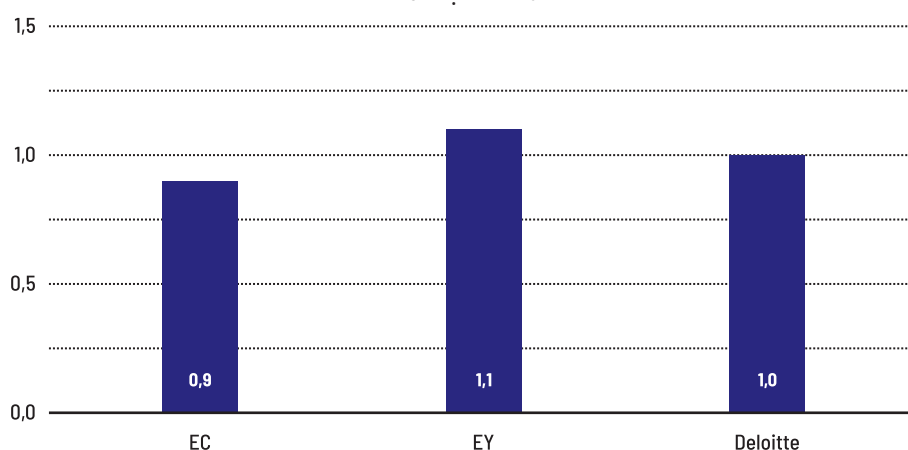
Trong thời gian tới, kinh tế khu vực EU tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trong bối cảnh cả áp lực nội khối lẫn yếu tố bên ngoài gia tăng. Từ ngày 6/6, EU sẽ chính thức tái áp thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng nông sản chủ lực từ Ukraine, sau khi chịu sức ép mạnh mẽ từ nông dân tại các quốc gia thành viên như Ba Lan. Quyết định này không chỉ làm gia tăng căng thẳng nội bộ trong khối mà còn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh lương thực và đẩy lạm phát thực phẩm

tăng cao trong thời gian tới. Cùng lúc đó, tình trạng phụ thuộc lớn vào nhập khẩu năng lượng tiếp tục làm giảm khả năng kiểm soát chi phí sản xuất, đặc biệt trong các ngành công nghiệp nặng tại châu Âu. Trước những rủi ro đến từ biến động địa chính trị và nguy cơ gián đoạn nguồn cung bên ngoài, một số nước thành viên đang thúc đẩy đầu tư mạnh mẽ hơn vào năng lượng tái tạo và hạ tầng lưu trữ, nhằm nâng cao tính tự chủ và ổn định lâu dài cho nền kinh tế khu vực.

Về triển vọng tăng trưởng kinh tế, ngày 19/5, Ủy ban châu Âu (EC) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của EU xuống còn 0,9% cho năm 2025 và 1,4% cho năm 2026, do lo ngại về suy yếu thương mại toàn cầu và những bất ổn trong chính sách. Tiếp sau đó, ngày 27/5, Tổ chức tài chính EY (Ernst & Young) đưa ra dự báo tích cực hơn, với mức tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 1,1%, đồng thời lạm phát dự kiến duy trì ổn định quanh mức 2%. Đồng quan điểm với EY, ngày 30/5, Tổ chức tài chính Deloitte dự báo tăng trưởng của khu vực năm 2025 đạt 1%, tăng nhẹ so với mức 0,9% của năm 2024, nhờ thị trường lao động ổn định và tiêu dùng cải thiện, dù đầu tư tư nhân vẫn còn yếu và phục hồi kinh tế chưa thực sự bền vững.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CHÂU ÂU NĂM 2025

Đơn vị tính: %

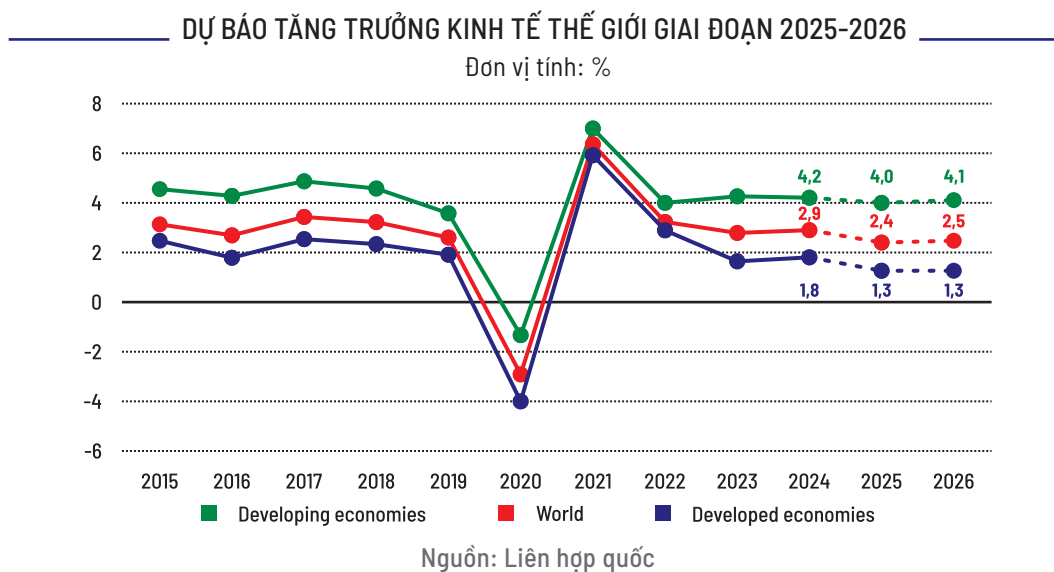


Nguồn: EC, EY, Deloitte

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 5/2025, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều áp lực do căng thẳng địa chính trị leo thang tại các điểm nóng như Ukraine và Trung Đông, cùng với những biến động khó lường trong chính sách thuế quan của Mỹ - đặc biệt là xu hướng tăng thuế nhập khẩu và mở rộng phạm vi áp thuế đối với các đối tác thương mại chủ chốt. Trước bối cảnh đó, các tổ chức quốc tế đã đưa ra loạt dự báo khá thận trọng về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Ngày 15/5, *Liên Hợp Quốc* đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu cho năm 2025 xuống còn 2,4% và cho năm 2026 xuống còn 2,5%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 1/2025. Nguyên nhân chính được xác định là do tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan cứng rắn của Mỹ và tình trạng căng thẳng thương mại leo thang. Liên Hợp Quốc cũng cảnh báo rằng cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển đều sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề từ những biến động lớn về thuế và thương mại quốc tế.

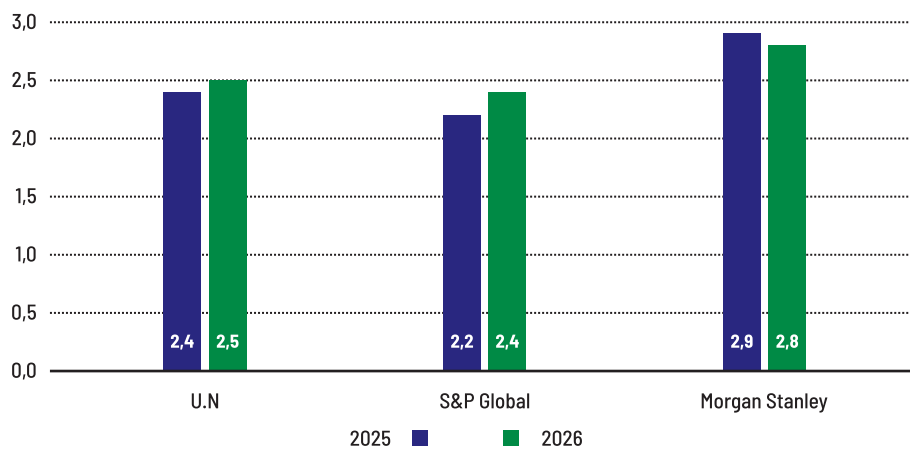


Trong khi đó, một số tổ chức quốc tế khác vẫn duy trì dự báo tăng trưởng được đưa ra từ tháng trước, nhưng với tâm thế hết sức thận trọng. Ngày 19/5, *Tổ chức S&P Global* giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu cho năm 2025 và 2026 ở mức 2,2% và 2,4%.

Cùng quan điểm, ngày 28/5, *Tổ chức Morgan Stanley* cũng không điều chỉnh các dự báo đã được hạ trong các tháng trước, tiếp tục giữ mức tăng trưởng toàn cầu năm 2025 là 2,9% và năm 2026 là 2,8%. Tuy nhiên, tổ chức này lưu ý rằng các chính sách thương mại mới của Hoa Kỳ đang gây ra những xáo trộn lớn trong cấu trúc của hệ thống kinh tế toàn cầu, làm suy yếu nhu cầu và tác động tiêu cực đến triển vọng tăng trưởng trong trung hạn.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2025-2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz Monitoring



PHẦN II

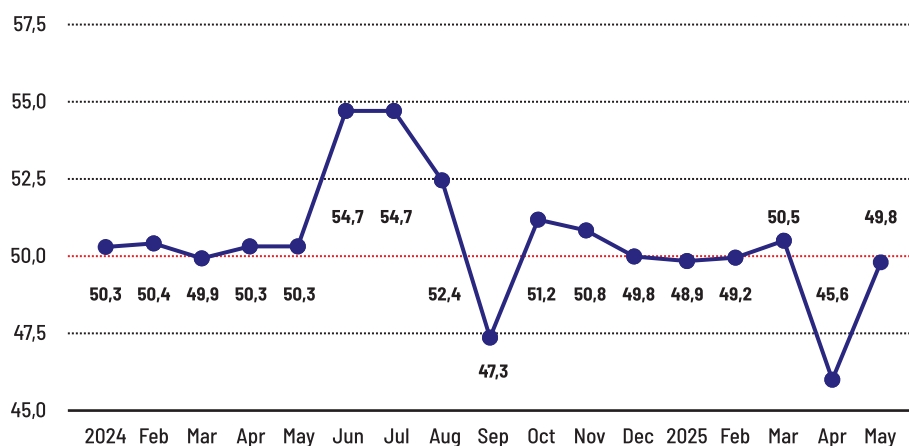
KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 5/2025

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Trong tháng 5/2025, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng lên 49,8 điểm so với 45,6 điểm của tháng trước, nhưng vẫn dưới ngưỡng 50 điểm, cho thấy ngành sản xuất tiếp tục suy giảm nhẹ. Sự giảm sút chủ yếu do tác động từ thuế quan và nhu cầu thị trường yếu, khiến đơn hàng mới, đặc biệt là xuất khẩu, tiếp tục giảm. Dù vậy, sản lượng đã phục hồi nhờ chính sách thuế ổn định hơn và chi phí đầu vào giảm.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 5/2025

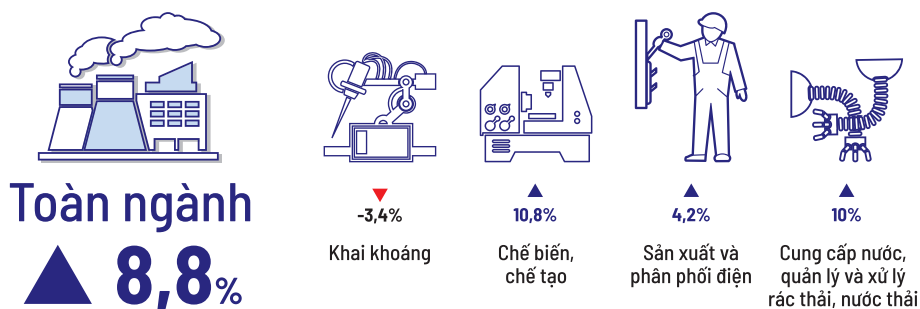


Nguồn: S&P Global

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 5/2025 tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2025 ước tính tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, IIP tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 61 địa phương, riêng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Cao Bằng lần lượt giảm 3,4% và 3,3%.

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 5/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 78,64 tỷ USD, tăng 5,8% so với tháng trước và tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 355,79 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,0%; nhập khẩu tăng 17,5%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,67 tỷ USD.

■ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5/2025 đạt 39,6 tỷ USD, tăng 5,7% so với tháng trước và tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 180,23 tỷ USD, tăng 14,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 49,62 tỷ USD, tăng 12,5%, chiếm 27,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 130,61 tỷ USD, tăng 14,5%, chiếm 72,5%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 158,93 tỷ USD, chiếm 88,2%.

■ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 5/2025 đạt 39,04 tỷ USD, tăng 5,9% so với tháng trước và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 175,56 tỷ USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 62,04 tỷ USD, tăng 12,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 113,52 tỷ USD, tăng 20,2%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 164,75 tỷ USD, chiếm 93,8%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 5/2025 xuất siêu 0,56 tỷ USD. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 4,67 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 8,71 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,42 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 17,09 tỷ USD.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 5/2025, cả nước có hơn 15,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 0,6% so với tháng trước và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 8.017 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 11,1% so với tháng trước và tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2024; 5.924 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 17,5% và tăng 11,7%; 6.535 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 27,3% và tăng 43,6%; 1.909 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 9,1% và giảm 12,8%.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP NĂM THÁNG ĐẦU NĂM SO VỚI CÙNG KỲ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

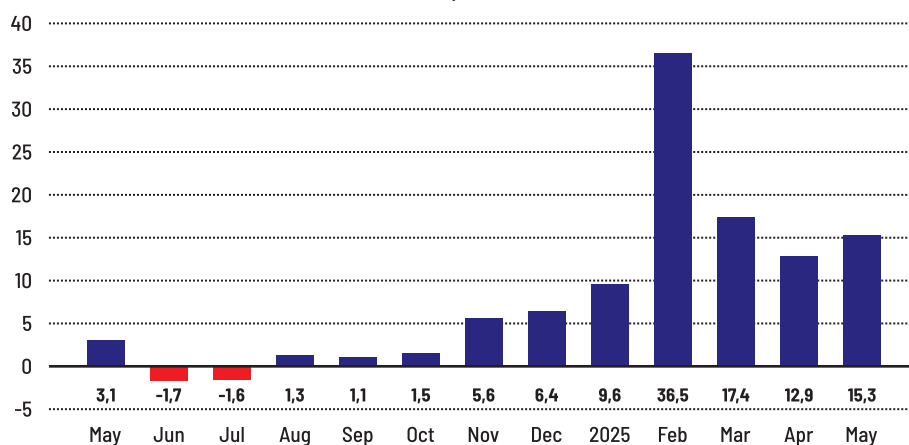
Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, cả nước có 111,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 22,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 111,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 22,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5/2025 ước đạt 55,4 nghìn tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 221,8 nghìn tỷ đồng, bằng 24,3% kế hoạch năm và tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 24,2% và tăng 3,9%).

TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/05/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 18,39 tỷ USD, tăng 51,2% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 8,90 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 5 tháng đầu năm 2025 có 46 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 275,7 triệu USD, gấp 2,7 lần cùng kỳ năm trước; có 13 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 41,6 triệu USD, tăng 27,8%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 317,3 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

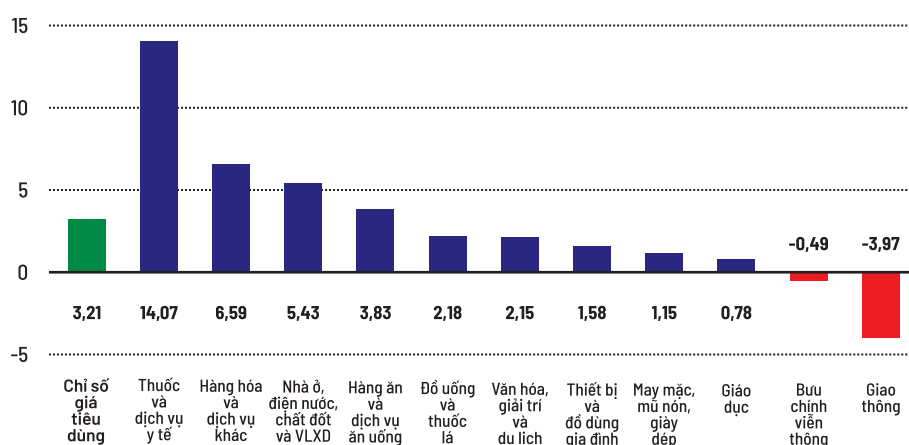
Bên cạnh đó, theo Bộ Tài chính, ước giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm đến ngày 31/5/2025 là 199.325,2 tỷ đồng, đạt 22,2% kế hoạch, đạt 24,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn tỷ lệ giải ngân cùng kỳ năm 2024 đạt 21,6%. Trong đó, riêng vốn ngân sách địa phương có tỷ lệ đạt 27,5% (cao hơn cùng kỳ năm 2024 là 21,1%), tuy nhiên vốn ngân sách trung ương mới đạt 19,6% (thấp hơn cùng kỳ năm 2024 là 22,6%). So với tỷ lệ giải ngân cả nước trong 4 tháng đầu năm, tiến độ giải ngân đã có sự tăng tốc rõ rệt, bắt kịp tiến độ so với cùng kỳ năm ngoái (lũy kế giải ngân đến hết tháng 2 đạt 5,43%, hết tháng 3 đạt 9,72%, hết tháng 4 đạt 15,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

Kết quả trong 5 tháng đầu năm 2025, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, có 10/47 bộ, cơ quan trung ương và 39/63 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt từ mức bình quân chung cả nước; có 37/47 bộ, cơ quan trung ương và 24/63 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đạt dưới bình quân chung cả nước.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2025 tăng 0,16% so với tháng trước chủ yếu do giá thuê nhà, vật liệu bảo dưỡng nhà ở, điện sinh hoạt và ăn uống ngoài gia đình tăng. CPI tháng 5/2025 tăng 1,53% so với tháng 12/2024; tăng 3,24% so với cùng kỳ năm trước.

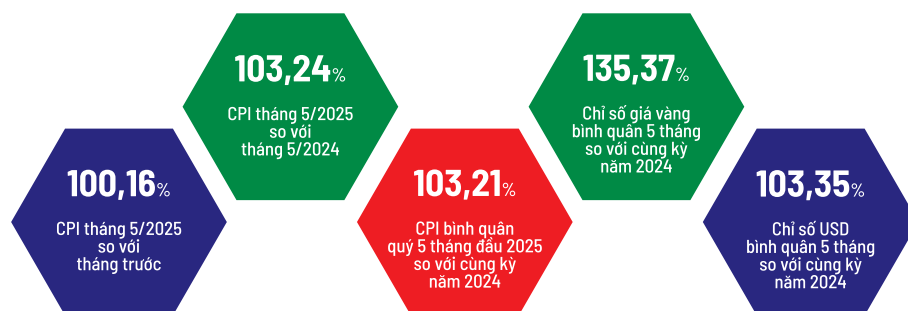
TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bình quân 5 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,10%.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CPI THÁNG 5/2025



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong tháng 5/2025, tín dụng trong nước tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ, phản ánh sự phục hồi tích cực của nền kinh tế và nhu cầu vốn gia tăng. Tính đến ngày 19/5, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 16,49 triệu tỷ đồng, tăng 5,59% so với cuối năm 2024 và tăng 18,67% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ trong một tháng qua, các ngân hàng đã bơm thêm khoảng 260.000 tỷ đồng ra thị trường,

nâng tổng lượng vốn tín dụng từ đầu năm đến nay lên 873.000 tỷ đồng. Với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 ở mức 16%, tương đương 2,5 triệu tỷ đồng, thị trường vẫn còn dư địa khoảng 1,627 triệu tỷ đồng để giải ngân trong 7 tháng còn lại.

Cơ cấu tín dụng cũng ghi nhận sự phân hóa rõ rệt giữa các khối ngân hàng. Các ngân hàng thương mại cổ phần có tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh hơn, như Eximbank và SHB cùng tăng 9,2%, Kienlongbank tăng 10,6%, VPBank tăng 5,4% và Techcombank tăng 5,1%. Trong khi đó, nhóm bốn ngân hàng nhà nước lớn có tốc độ tăng trưởng chậm hơn. Đáng chú ý, đến hết tháng 5, chưa có ngân hàng nào đề xuất xin thêm hạn mức tín dụng do vẫn chưa sử dụng hết chỉ tiêu được giao.

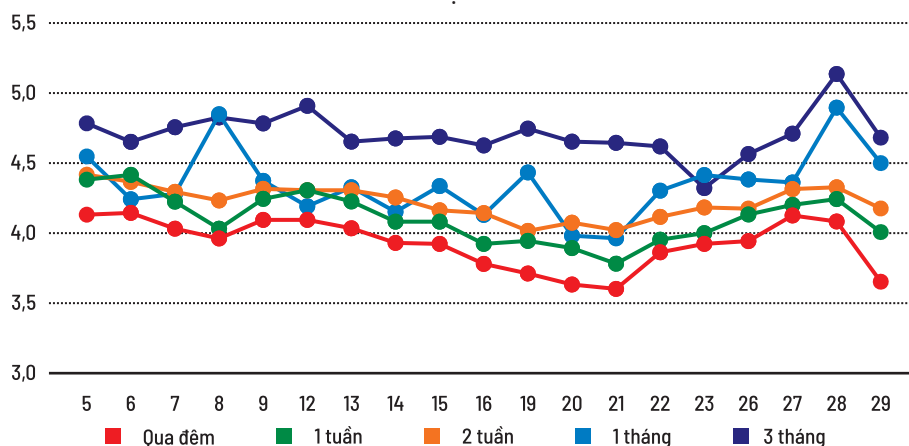
Dù còn dư địa cho vay lớn, khả năng hấp thụ vốn tín dụng trong những tháng cuối năm vẫn phụ thuộc vào triển vọng xuất khẩu, vốn đang chịu ảnh hưởng từ bất ổn kinh tế toàn cầu và căng thẳng thương mại, đặc biệt là giữa Mỹ và các quốc gia khác. Tuy vậy, trong bối cảnh nền kinh tế đang phục hồi và các chính sách hỗ trợ tài khóa bắt đầu phát huy hiệu quả, tín dụng toàn hệ thống được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng tốc, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 8% và kiểm soát lạm phát dưới 4,5% trong năm nay.

1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 5/2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng đã ghi nhận nhiều biến động đáng kể, đặc biệt ở các kỳ hạn dài. Lãi suất qua đêm dao động quanh 4,1% - 4,3%, nhưng giảm xuống dưới 3,7% vào cuối tháng. Kỳ hạn 1 và 2 tuần ổn định ở mức 4,0% - 4,4%. Lãi suất 1 tháng tăng mạnh, chạm gần 4,8% vào cuối tháng. Đáng chú ý, lãi suất 3 tháng cao nhất, dao động từ 4,6% đến hơn 5,2%, phản ánh nhu cầu vốn trung dài hạn tăng lên.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 5/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 6/2025

Tính đến tháng 5/2025, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 5/2025					
LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

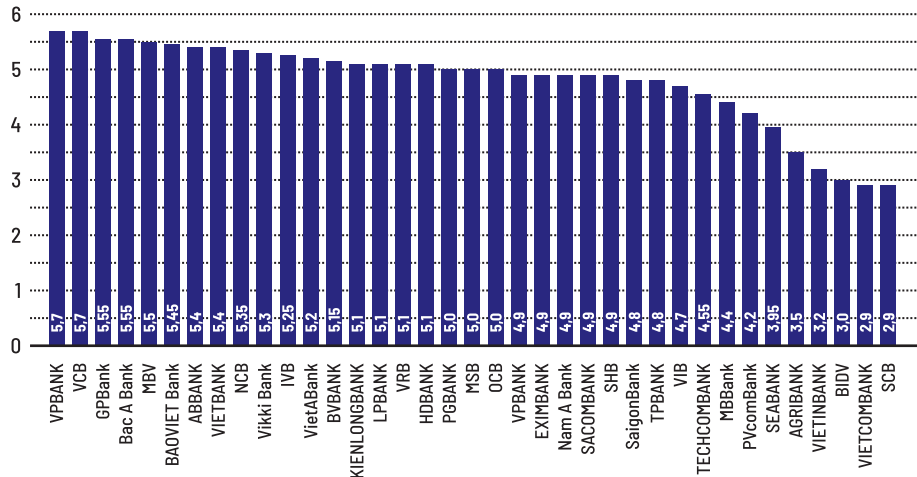
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 5/2025, thị trường lãi suất huy động ghi nhận dấu hiệu hạ nhiệt khi chỉ có 4 ngân hàng tiến hành điều chỉnh giảm, gồm: VPBank, MB, Eximbank và GPBank. Diễn biến này cho thấy đà giảm lãi suất đang bước vào giai đoạn chậm lại, không còn ồ ạt như thời điểm đầu năm.

Lãi suất tiền gửi với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% - 4,6%. Đối với kỳ hạn 6 tháng, mức lãi suất phổ biến trong khoảng 2,9% - 5,7%. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 12 tháng có biên độ dao động từ 3,7% - 9%.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 6 THÁNG
TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG TRONG THÁNG 5/2025

Đơn vị tính: %/năm



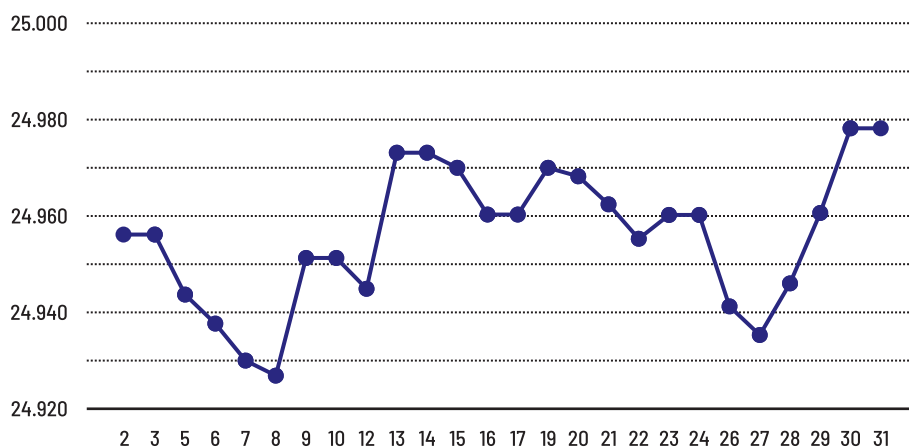
Nguồn: Vibiz Monitoring

1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 5/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD biến động nhẹ nhưng xu hướng chung là tăng. Sau khi giảm đầu tháng, tỷ giá tăng mạnh giữa tháng và duy trì quanh mức cao. Cuối tháng, tỷ giá tiếp tục tăng và kết thúc tháng ở mức cao nhất, khoảng gần 24.990 VND/USD.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM VND VỚI ĐỒNG USD THÁNG 5/2025

Đơn vị tính: VND/USD



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Trong nước, giá đô la Mỹ trong nước biến động ngược chiều với giá thế giới, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.147 VND/USD, tăng 0,68% so với tháng trước do nhu cầu ngoại tệ phục vụ thanh toán nhập khẩu tăng. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2025 tăng 2,69% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,59% so với tháng 12/2024; bình quân 5 tháng đầu năm 2025 tăng 3,35%.

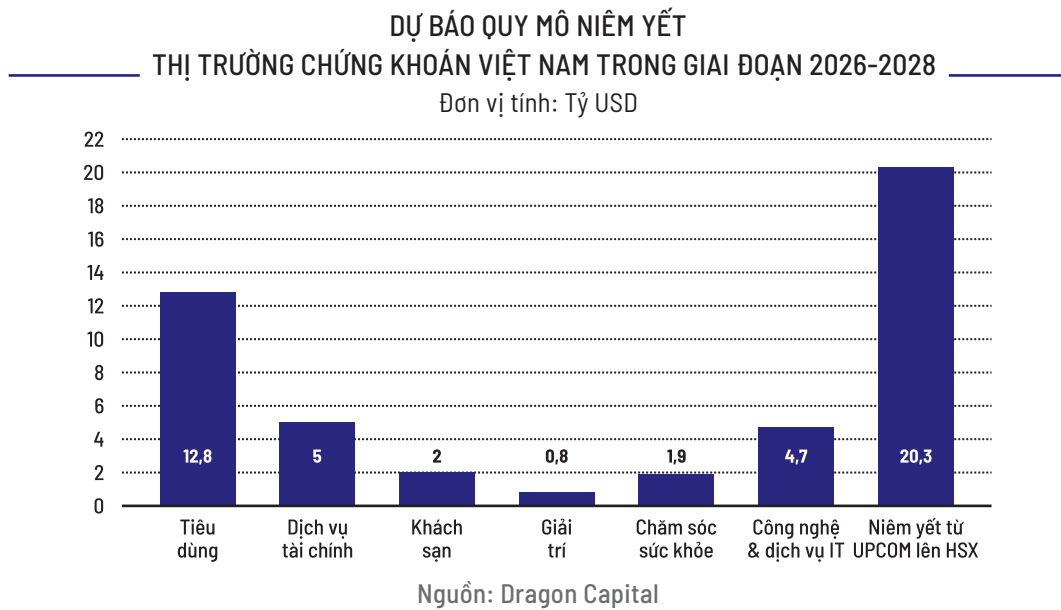
1.2.4. Chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 5/2025 ghi nhận mức tăng ấn tượng 6%, đưa VN-Index trở thành chỉ số có hiệu suất tốt nhất trong khu vực nhờ tổng hòa giữa động lực nội tại và môi trường quốc tế thuận lợi. Tâm lý nhà đầu tư được cải thiện rõ rệt sau những tín hiệu tích cực từ tiến trình đàm phán thương mại toàn cầu, đặc biệt là các thỏa thuận đạt được giữa Mỹ - Trung và Anh - Mỹ. Trong nước, việc công bố hai nghị quyết quan trọng gồm Nghị quyết 68-NQ/TW và Nghị quyết 198/2025/QH15 về thúc đẩy kinh tế tư nhân và cải cách thể chế đã góp phần củng cố niềm tin vào triển vọng vĩ mô, tạo lực đẩy cho chỉ số VN-Index bứt phá.

Dù thị trường tăng mạnh, thanh khoản trong tháng lại ghi nhận sự điều chỉnh, giảm 6,0% so với cùng kỳ và 7,9% so với tháng trước, xuống còn 23,5 nghìn tỷ đồng/phần. Sàn HoSE ghi nhận giá trị giao dịch bình quân 21,4 nghìn tỷ đồng (-8,8%), HNX đạt 1,1 nghìn tỷ đồng (-16,1%) trong khi UPCoM tăng mạnh 31,7% lên mức tương đương.

Bên cạnh đó, dòng vốn ngoại cũng ghi nhận sự cải thiện tích cực khi khối ngoại quay lại mua ròng 3,5 nghìn tỷ đồng - lần đầu tiên kể từ tháng 1/2024, đồng thời là mức mua ròng cao nhất trong vòng hơn hai năm. Động thái này cho thấy niềm tin đang dần quay trở lại với thị trường Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh kỳ vọng về sự phục hồi kinh tế toàn cầu và môi trường đầu tư trong nước đang dần ổn định. Tỷ trọng giao dịch của khối ngoại giảm nhẹ còn 11,4%, nhưng xu hướng đảo chiều là tín hiệu tích cực cho trung và dài hạn.

Trong thời gian tới, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới khi làn sóng IPO và niêm yết quy mô lớn với tổng giá trị ước đạt 47 tỷ USD đang hình thành. Những cái tên như TCBS, F88, Bách Hóa Xanh, Highlands Coffee, Viettel IDC, Misa, VNPAY... hứa hẹn sẽ không chỉ nâng cao chất lượng hàng hóa trên thị trường mà còn gia tăng đáng kể tính thanh khoản và thu hút dòng vốn trong và ngoài nước, củng cố vị thế của thị trường chứng khoán Việt Nam trên bản đồ tài chính khu vực.

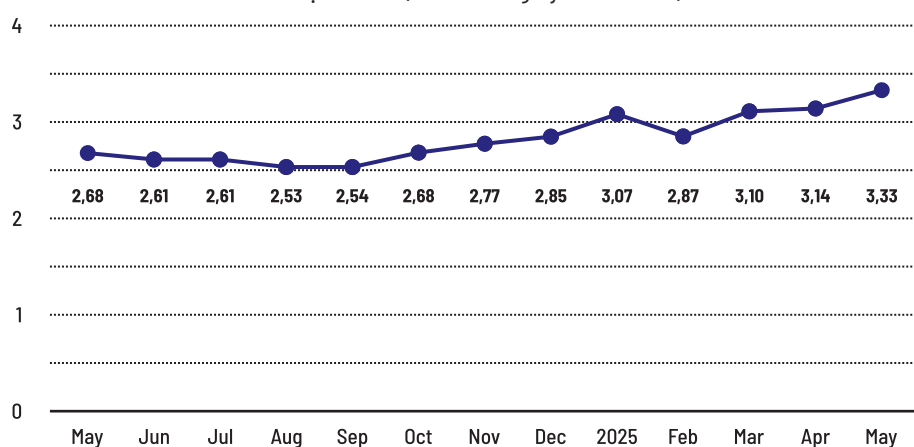


1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 5/2025 tăng 0,33% so với tháng trước và tăng 3,33% so với cùng kỳ năm trước. Tính bình quân 5 tháng đầu năm, lạm phát cơ bản tăng 3,10% so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn mức tăng 3,21% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân chung. Sự chênh lệch này chủ yếu do các mặt hàng như lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt và dịch vụ y tế - vốn là những nhóm hàng có mức giá tăng mạnh trong thời gian gần đây - không được tính vào rổ hàng hóa khi xác định lạm phát cơ bản. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần đẩy CPI lên cao nhưng không phản ánh trong chỉ số lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 5/2025

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đáng chú ý, trong bối cảnh lạm phát có xu hướng gia tăng, tâm lý người tiêu dùng trở nên thận trọng hơn, dẫn đến xu hướng cắt giảm chi tiêu trong nhiều nhóm hàng hóa và dịch vụ không thiết yếu. Việc này càng làm sức mua trên thị trường sụt giảm. Bên cạnh đó, chiến dịch siết chặt quản lý thị trường, kiểm tra và xử lý hàng giả, hàng nhái tuy cần thiết nhưng cũng khiến khoảng 300.000 - 500.000 cửa hàng, chủ yếu là quy mô nhỏ và vừa, buộc phải đóng cửa hoặc tạm ngừng hoạt động. Hệ quả là chuỗi cung ứng hàng hóa bị gián đoạn cục bộ, thị trường bán lẻ giảm sức sôi động, ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nói chung.

Đồng thời, tình trạng thất nghiệp bắt đầu có dấu hiệu gia tăng do nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhỏ mất nguồn thu và phải cắt giảm lao động. Những yếu tố này nếu kéo dài sẽ tạo áp lực kép lên nền kinh tế, vừa là nguy cơ cho tăng trưởng, vừa là thách thức trong kiểm soát lạm phát và ổn định đời sống xã hội.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ *Chính phủ ban hành ưu đãi cho điện khí, chuyển ngang giá khí sang giá điện*

Nhằm phù hợp với thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, tạo điều kiện, khuyến khích các nhà đầu tư tham gia phát triển nguồn điện, trong đó có nhiệt điện khí, ngày 8/5/2025, Thủ tướng đã ban hành Nghị định số 100/2025/NĐ-CP ngày 8/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 56/2025/NĐ-CP.

Theo đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 15 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP nhằm quy định cụ thể hơn về cơ chế huy động các dự án nhiệt điện sử dụng nguồn khí thiên nhiên khai thác trong nước phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực và nhu cầu thực tiễn trong giai đoạn sắp tới.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung tên Điều 15 thành “Cơ chế bảo đảm tiêu thụ nguồn khí thiên nhiên khai thác trong nước; nguyên tắc chuyển ngang giá nhiên liệu sang giá điện và sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn cho các dự án nhiệt điện khí”.

Về ưu đãi cho các dự án nhiệt điện khí sử dụng khí thiên nhiên khai thác trong nước

Huy động ở mức tối đa theo khả năng cấp khí, đáp ứng các yêu cầu ràng buộc về nhiên liệu, công suất và sản lượng phát điện khả dụng của dự án nhiệt điện khí, nhu cầu và ràng buộc kỹ thuật của hệ thống điện quốc gia.

Thời gian áp dụng kể từ ngày các dự án nhiệt điện khí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư và bắt đầu vận hành phát điện bằng khí thiên nhiên khai thác trong nước trước ngày 01 tháng 01 năm 2036 và kéo dài cho đến khi nhà máy không còn sử dụng khí thiên nhiên khai thác trong nước.

Trong trường hợp khả năng cấp khí thiên nhiên khai thác trong nước không đáp ứng được nhu cầu phát điện của dự án nhà máy nhiệt điện khí, bên bán điện (chủ đầu tư) và bên mua điện (EVN) thỏa thuận, thống nhất phương án sử dụng nhiên liệu và giá điện trong hợp đồng mua bán điện theo quy định hiện hành.

Ưu đãi với dự án nhiệt điện khí sử dụng LNG nhập khẩu

Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn của dự án nhiệt điện khí sử dụng LNG nhập khẩu được bên bán điện và bên mua điện thỏa thuận, thống nhất trong hợp đồng mua bán điện bảo đảm các nguyên tắc sau:

Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn không thấp hơn mức 65% sản lượng điện phát bình quân nhiều năm của dự án nhiệt điện khí. Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn được áp dụng trong thời hạn trả nợ gốc và lãi vay nhưng không quá 10 năm kể từ ngày đưa dự án vào vận hành phát điện. Ưu đãi được áp dụng đối với dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra văn bản thông báo chấp thuận

kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư và bắt đầu vận hành phát điện bằng LNG nhập khẩu trước ngày 01 tháng 01 năm 2031.

Sau thời gian áp dụng sản lượng điện hợp đồng tối thiểu dài hạn, sản lượng điện hợp đồng hoặc tỷ lệ điện năng thanh toán theo giá hợp đồng cho các năm còn lại được bên bán điện và bên mua điện thống nhất trong quá trình đàm phán, thỏa thuận hợp đồng mua bán điện theo các quy định có liên quan.

Sản lượng điện phát bình quân nhiều năm được xác định theo Quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện; nguyên tắc tính giá điện để thực hiện dự án điện lực; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành và quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Bên cạnh đó, Nghị định số 100/2025/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 15 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP để phù hợp với các nội dung sửa đổi tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 nêu trên. Cụ thể, bên mua điện và bên bán điện có trách nhiệm đàm phán, thỏa thuận thống nhất các nội dung cụ thể trong hợp đồng mua bán điện tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện cạnh tranh bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều này và quy định của pháp luật về vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ và vận hành, điều độ hệ thống điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Nghị định số 100/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 8/5/2025.

■ ***Phê duyệt khung giá phát điện loại hình nhà máy điện khí LNG năm 2025***

Trên cơ sở căn cứ Luật Điện lực và các văn bản pháp luật, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1313/QĐ-BCT ngày 13/5/2025 phê duyệt khung giá phát điện loại hình nhà máy tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) năm 2025.

Theo đó, mức giá tối đa (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) của khung giá phát điện năm 2025 áp dụng cho loại hình nhà máy tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (khí LNG) năm 2025 quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2025/TT-BCT là 3.327,42 đồng/kWh.

Các thông số sử dụng tính toán mức giá tối đa của khung giá phát điện áp dụng cho loại hình nhà máy tua bin khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí LNG năm 2025 bao gồm:

- Công suất tính toán là 1.551.490 kW
- Suất tiêu hao nhiệt tính ở mức tải 85% là 6.330,17 BTU/kWh
- Giá LNG nhập khẩu là 14,05 USD/tr.BTU

- *Giá vận chuyển (vận chuyển khí LNG về đến kho cảng tái hóa, tồn trữ, tái hóa khí, phân phối sau tái hóa tạm tính) là 2,589272 USD/tr.BTU, giá này sẽ được cập nhật sau khi giá dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí LNG được Bộ Công Thương phê duyệt*
- *Tỷ giá là 25.670 đồng/USD. Căn cứ khung giá phát điện quy định tại Quyết định này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và đơn vị phát điện ký kết hợp đồng mua bán điện trên cơ sở tuân thủ quy định về phương pháp xác định giá dịch vụ phát điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.*

▪ ***Đề xuất xây dựng 2 trung tâm năng lượng tái tạo***

Ngày 30/5/2025, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1509/QĐ-BCT, phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 điều chỉnh (gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh).

Trong đó, Bộ Công Thương đề xuất xây dựng 2 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng.

Theo đó, trung tâm phía Bắc sẽ được đặt tại các địa phương như Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, với khả năng mở rộng ra các khu vực lân cận trong tương lai. Trung tâm này sẽ bao gồm các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ điện gió, điện mặt trời, các dịch vụ hậu cần, cảng biển chuyên dụng hỗ trợ thi công, vận hành, bảo trì các dự án năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó là các khu công nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong lĩnh vực năng lượng sạch.

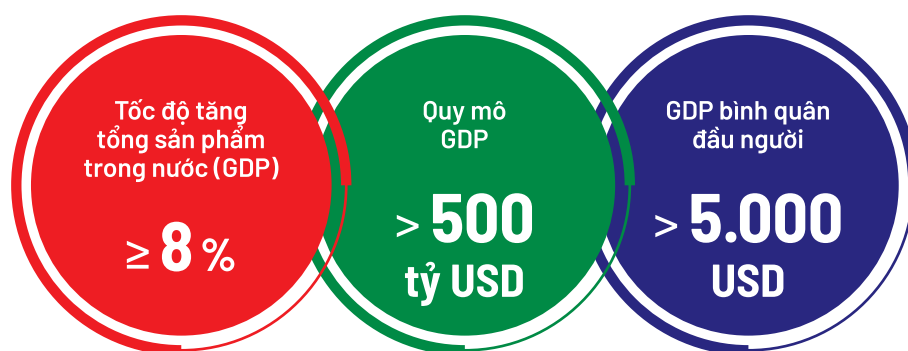
Tương tự, trung tâm phía Nam dự kiến đặt tại khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và TP. Hồ Chí Minh, nơi có tiềm năng vượt trội về điện gió, điện mặt trời và hạ tầng cảng biển.

Mô hình phát triển tại đây tương đồng với trung tâm phía Bắc, hướng đến việc xây dựng chuỗi giá trị hoàn chỉnh cho ngành năng lượng tái tạo tại miền Nam.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Ngày 5/5, tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra những định hướng quan trọng về triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn tới. Theo đó, *Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 được đặt ở mức 8% trở lên, với quy mô nền kinh tế vượt mốc 500 tỷ USD, dự kiến xếp hạng thứ 30 thế giới (tăng 2 bậc so với hiện tại). GDP bình quân đầu người năm 2025 được kỳ vọng đạt trên 5.000 USD.* Những mục tiêu này cho thấy sự quyết tâm mạnh mẽ của Chính phủ trong việc duy trì đà phục hồi, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới tăng trưởng bền vững trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới còn nhiều biến động.

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM NĂM 2025



Nguồn: Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2025

Ngân hàng UOB (Singapore) vừa công bố báo cáo đánh giá kinh tế Việt Nam quý II/2025, dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 khoảng 6%, thấp hơn so với mức 7% trước đó. Trong đó, tăng trưởng trong quý II và III năm nay được kỳ vọng đạt 6,1% và 5,8%.

Với lạm phát phần nào hạ nhiệt, UOB dự báo Ngân hàng Nhà nước sẽ giữ nguyên lãi suất tái cấp vốn ở mức 4,5%. Trong khi đó, VND khả năng tiếp tục dao động ở vùng giá yếu đến hết quý sau. Ngân hàng dự báo tỉ giá USD/VND yếu nhất vào quý III ở mức 26.300 đồng và phục hồi lên 26.100 đồng trong 3 tháng cuối năm.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 5/2025, nguồn cung dầu mỏ toàn cầu tiếp tục duy trì trạng thái dồi dào, chủ yếu nhờ vào động thái nới lỏng các đợt cắt giảm sản lượng tự nguyện từ Tổ chức Các Nước Xuất khẩu Dầu Mỏ và Các Nước Đồng Minh (OPEC+).

Trong tháng qua, sản lượng của khối OPEC+ đã tăng thêm 411.000 thùng/ngày, đánh dấu bước đầu tiên trong quá trình đảo ngược các chính sách cắt giảm đã duy trì trong nhiều tháng trước đó nhằm hỗ trợ giá dầu.

Đáng chú ý, các quốc gia chủ chốt trong OPEC+ như Ả Rập Xê Út, Nga, Iraq và UAE đã đồng loạt gia tăng xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ - một trong những điểm đến tiêu thụ năng lượng lớn nhất châu Á - giúp nâng tổng thị phần của nhóm tại đây lên gần 78%. Sự dịch chuyển này không chỉ cho thấy chiến lược chiếm lĩnh thị phần ngày càng quyết liệt mà còn góp phần làm tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường dầu toàn cầu.

Bên cạnh đó, xuất khẩu dầu thô của Nga trong tháng hầu như không có biến động đáng kể so với tháng trước, dù nước này tiếp tục chịu tác động từ các lệnh trừng phạt phương Tây.

Ngoài ra, nguồn cung từ Venezuela vẫn được duy trì ổn định bất chấp việc Mỹ tăng cường sức ép chính trị và để một số giấy phép giao dịch hạn chế hết hiệu lực - vốn từng cho phép các giao dịch dầu mỏ được thực hiện trong khuôn khổ cho phép.

■ *Cầu dầu mỏ:*

Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu trong tháng 5/2025 tiếp tục duy trì ở mức cao, với châu Á dẫn đầu xu hướng tiêu thụ và dự trữ.

Tại Ấn Độ, nhu cầu nội địa tăng mạnh cùng với cơ hội mua dầu giá rẻ đã thúc đẩy nước này tăng nhập khẩu dầu thô từ Nga lên mức ước tính 1,8 triệu thùng/ngày - cao nhất trong nhiều tháng. Các giao dịch này được thực hiện trước thời điểm EU và Anh áp lệnh trừng phạt mới đối với đội tàu bóng tối và các tổ chức tài chính Nga.

Trong khi đó, Trung Quốc cũng ghi nhận nhu cầu dầu phục hồi rõ rệt nhờ sản xuất công nghiệp và vận tải gia tăng. Các nhà máy lọc dầu tại đây duy trì công suất cao, chủ yếu nhập khẩu từ Nga, Trung Đông và châu Phi.

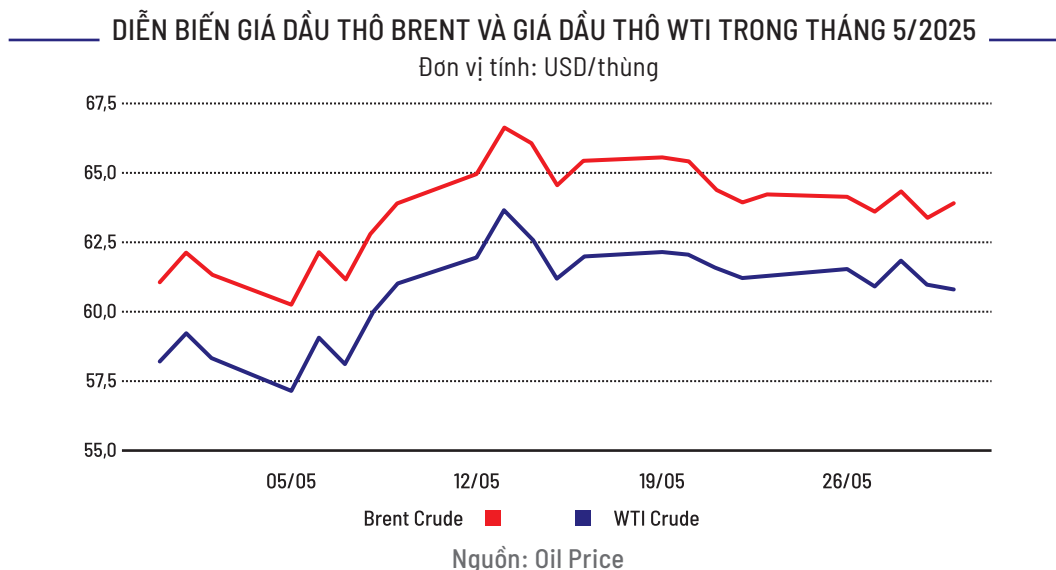
Tại Mỹ, ngoài nhu cầu tiêu thụ ổn định trong lĩnh vực công nghiệp và hàng không, nhu cầu dự trữ dầu thô đã tăng mạnh khi các nhà giao dịch chuẩn bị ứng phó với khả năng nguồn cung từ OPEC+ tăng trong thời gian tới.

Khu vực châu Âu dù chịu áp lực từ các chính sách khí hậu và kinh tế bất ổn, nhu cầu dầu trong các ngành công nghiệp nặng, vận tải và hóa dầu vẫn duy trì ở mức ổn định. Một số quốc gia như Pháp và Tây Ban Nha tăng cường nhập khẩu từ Mỹ Latinh và châu Phi nhằm giảm phụ thuộc vào nguồn cung bị trừng phạt.

Tại Mỹ Latinh, nhu cầu dầu mỏ trong nước tại Brazil và Mexico phục hồi nhờ các chính sách hỗ trợ sản xuất và tiêu dùng năng lượng, trong khi Argentina gia tăng nhập khẩu để bù đắp thiếu hụt nguồn cung nội địa.

■ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 5/2025, giá dầu Brent và WTI đã ghi nhận mức tăng đáng kể vào giữa tháng, chủ yếu nhờ những thông tin tích cực liên quan đến đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, cùng với quyết định của tòa án Mỹ đình chỉ một số mức thuế quan do Tổng thống ban hành, qua đó hỗ trợ giá dầu phục hồi. Tuy nhiên, đà tăng này không kéo dài do OPEC+ tiếp tục nới lỏng cam kết cắt giảm sản lượng, làm dấy lên lo ngại về tình trạng dư thừa nguồn cung trên thị trường. Dù các yếu tố địa chính trị như nguy cơ Israel tấn công cơ sở hạt nhân của Iran hay các lệnh trừng phạt mới từ EU và Anh đối với dầu mỏ Nga có thể ảnh hưởng đến nguồn cung, nhưng những yếu tố này vẫn không đủ mạnh để lấn át tâm lý thị trường đang chịu sức ép từ nguy cơ nguồn cung gia tăng.



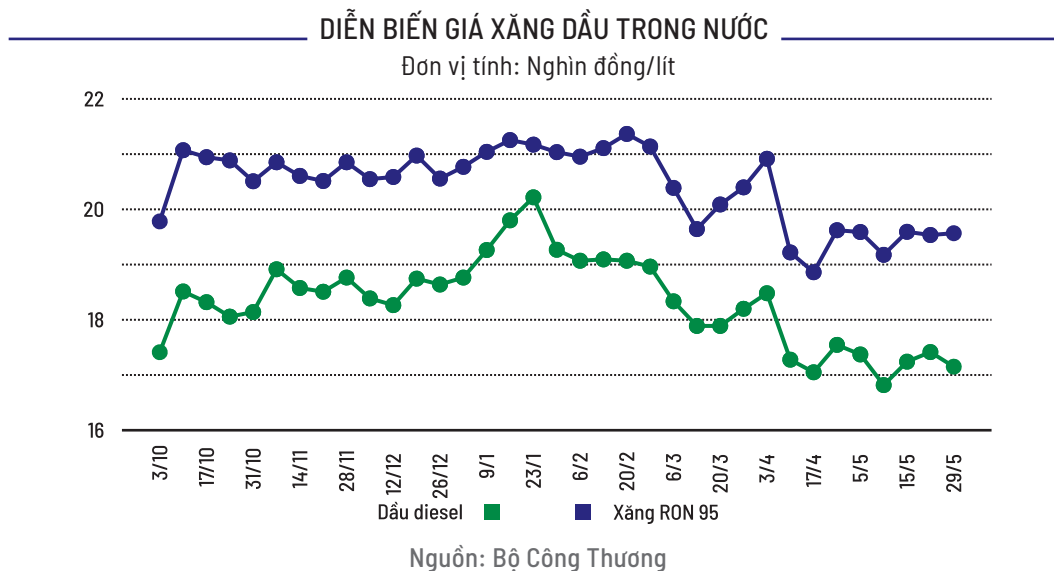
1.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường xăng dầu trong nước trong tháng 5/2025 ghi nhận nhiều diễn biến tích cực.

Nguồn cung dầu dồi dào và chi phí nguyên liệu đầu vào thấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành lọc - hóa dầu trong nước, giúp giảm chi phí sản xuất. Nhờ đó, giá xăng dầu trong nước giữ ổn định, góp phần giảm gánh nặng chi phí cho các ngành tiêu thụ nhiều nhiên liệu như vận tải và sản xuất. Điều này giúp doanh nghiệp cải thiện lợi nhuận và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 8% trong năm 2025 theo định hướng của Chính phủ.

Về nguồn cung nội địa, trong tháng qua, dự án phát triển mỏ Đại Hùng (giai đoạn 3) đã đạt cột mốc quan trọng khi đón dòng dầu thương mại đầu tiên vào ngày 7/5/2025. Dự án được triển khai hoàn toàn bằng nguồn lực trong nước, với lưu lượng khai thác đạt 6.000 thùng/ngày. Đây là yếu tố then chốt giúp duy trì và nâng cao sản lượng tại mỏ Đại Hùng - một trong những mỏ dầu chiến lược của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam).

Mặc dù có nhiều yếu tố hỗ trợ từ phía cung và chi phí, giá xăng RON 95 trong tháng 5 vẫn ghi nhận xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước, trong khi giá dầu diesel ổn định và duy trì ở mức thấp. Tính từ đầu năm đến hết tháng 5/2025, giá xăng dầu trong nước đã trải qua 22 phiên điều chỉnh, bao gồm 9 phiên giảm, 8 phiên tăng và 5 phiên điều chỉnh trái chiều.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

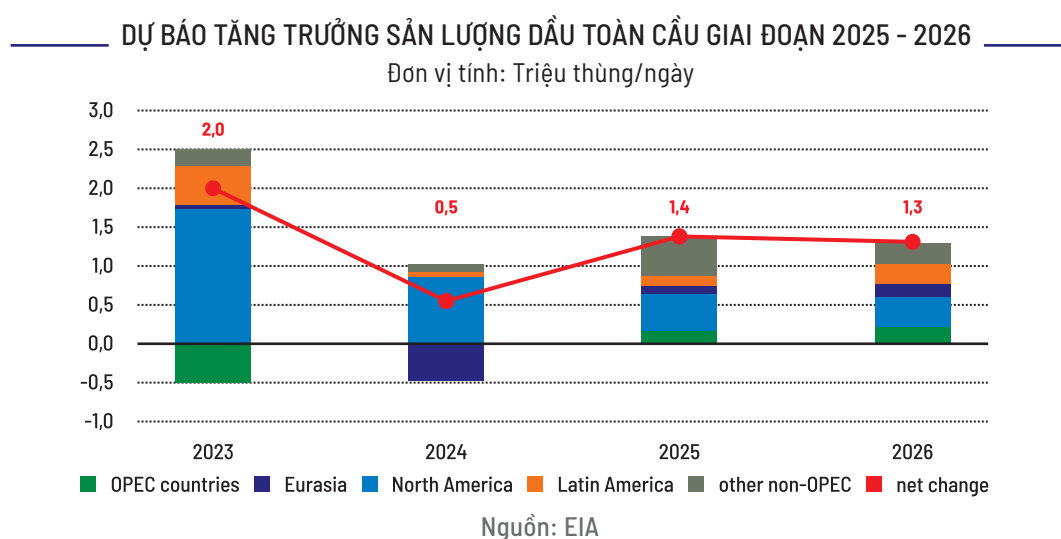
▪ Cung dầu mỏ:

Trong tháng 5/2025, bức tranh dự báo về nguồn cung dầu mỏ toàn cầu tiếp tục ghi nhận những điều chỉnh đáng chú ý từ các tổ chức năng lượng lớn, phản ánh sự biến động linh hoạt của thị trường trước các yếu tố địa chính trị, diễn biến đàm phán quốc tế và xu hướng chính sách sản lượng của các quốc gia xuất khẩu dầu chủ chốt.

Ngày 31/5, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và các đối tác (nhóm OPEC+) thông báo sẽ tăng mạnh sản lượng dầu thêm 411.000 thùng/ngày trong tháng 7/2025 - mức tương đương với hai tháng trước đó - nhằm phản ánh các yếu tố cơ bản thị trường đang ổn định và niềm tin vào triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu. Song song đó, các cuộc đàm phán hạt nhân giữa Mỹ và Iran làm dấy lên khả năng Iran có thể quay trở lại thị trường với quy mô xuất khẩu lớn, bổ sung thêm khoảng 400.000 thùng/ngày nếu lệnh trừng phạt được dỡ bỏ.

Song song với các diễn biến trên thị trường, các dự báo mới nhất trong tháng qua từ các tổ chức quốc tế đã phản ánh những quan điểm trái chiều về triển vọng tăng trưởng nguồn cung dầu vào năm 2025.

Ngày 6/5, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo sản lượng dầu toàn cầu sẽ tiếp tục tăng trong các năm 2025 và 2026, nhờ sự kết hợp giữa việc OPEC+ lên kế hoạch tăng sản lượng và đà phục hồi từ các quốc gia ngoài khối. *Theo EIA, nguồn cung nhiên liệu lỏng toàn cầu được dự báo sẽ tăng thêm 1,4 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và 1,3 triệu thùng/ngày trong năm 2026.*



Trái lại, ngày 14/5, OPEC hạ dự báo tăng trưởng sản lượng dầu thô từ các nhà sản xuất ngoài OPEC+ xuống còn 800.000 thùng/ngày trong năm 2025, giảm so với mức 900.000 thùng/ngày đưa ra tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do chi tiêu vốn suy giảm và áp lực thị trường gia tăng.

Trong khi đó, ngày 15/5, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã nâng dự báo tăng trưởng nguồn cung toàn cầu thêm 380.000 thùng/ngày, đạt mức 1,6 triệu thùng/ngày, nhờ kỳ vọng Ả Rập Xê Út sẽ tăng mạnh sản lượng. Bên cạnh đó, IEA cũng dự báo tình trạng dư thừa thị trường dầu mỏ có thể khiến mức dự trữ dầu toàn cầu tăng khoảng 720.000 thùng/ngày trong năm nay.

■ Cầu dầu mỏ:

Trước bối cảnh căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ và Trung Quốc tiếp tục leo thang, cùng với áp lực từ lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt và bất ổn địa chính trị, triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang đối mặt với nhiều thách thức, qua đó làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ.

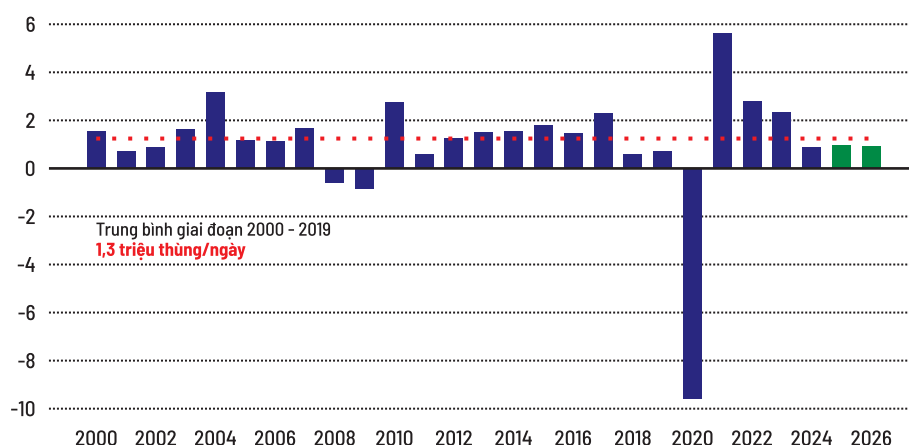
Mặc dù vậy, ngày 14/5, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vẫn giữ nguyên dự báo về mức tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2025 ở mức 1,3 triệu thùng/ngày. Đồng thời, OPEC cũng điều chỉnh tăng nhẹ mức dầu thô cần thiết để cân bằng thị trường, lên 42,6 triệu thùng/ngày trong năm 2025 và 42,9 triệu thùng/ngày trong năm 2026.

Ngay sau đó, ngày 15/5, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng đã điều chỉnh tăng nhẹ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu năm 2025 thêm hơn 20.000 thùng/ngày, đạt mức 740.000 thùng/ngày và dự kiến mức tăng trung bình đạt 760.000 thùng/ngày vào năm 2026. Sự chững lại này chủ yếu do các yếu tố kinh tế khó khăn và sự gia tăng đáng kể trong doanh số bán xe điện trên toàn cầu.

Cùng ngày, EIA dự báo tốc độ tăng trưởng tiêu thụ dầu thô sẽ tiếp tục chậm lại trong hai năm tới, với mức tăng dưới 1 triệu thùng/ngày trong cả năm 2025 và 2026, đánh dấu ba năm liên tiếp tăng trưởng tiêu thụ dầu ở dưới ngưỡng này.

TĂNG TRƯỞNG TIÊU THỤ DẦU THẾ GIỚI HÀNG NĂM VÀ DỰ BÁO CHO GIAI ĐOẠN 2025-2026

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: EIA

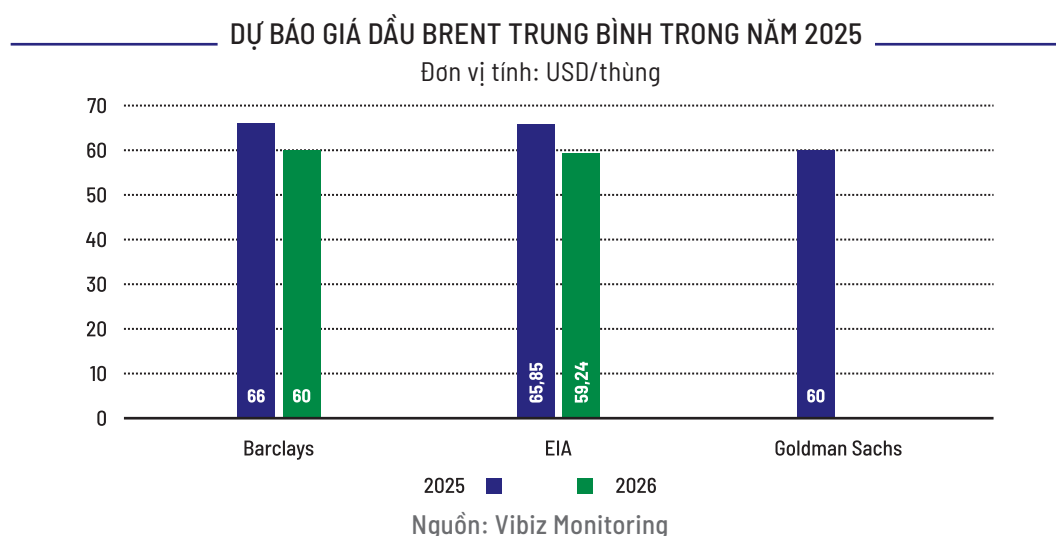
▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng 5/2025, nhiều tổ chức quốc tế đã đồng loạt điều chỉnh giảm dự báo giá dầu Brent trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu suy yếu, tồn kho tăng cao và triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu không mấy lạc quan do căng thẳng địa chính trị và các rủi ro thương mại kéo dài.

Ngày 5/5, *Barclays* hạ dự báo giá dầu Brent cho năm 2025 xuống còn 66 USD/thùng (giảm 4 USD so với trước đó) và cho năm 2026 xuống còn 60 USD/thùng (giảm 2 USD), với nguyên nhân chính là OPEC+ đang đẩy nhanh tốc độ tăng sản lượng.

Đồng quan điểm với Barclays, ngày 9/5, *EIA* đã hạ dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 xuống còn 65,85 USD/thùng, đồng thời dự báo giá năm 2026 tiếp tục giảm còn 59,24 USD/thùng.

Bên cạnh đó, *Goldman Sachs* cũng thể hiện quan điểm thận trọng khi dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2025 sẽ ở mức 60 USD/thùng và WTI ở mức 56 USD/thùng.



1.2.2. Thị trường trong nước

▪ **Cung dầu mỏ:**

Nguồn cung dầu mỏ trong nước tiếp tục đối diện với áp lực suy giảm khi sản lượng tại các mỏ chủ lực như Bạch Hổ và Sư Tử Đen đang giảm mạnh theo thời gian. Trong khi đó, các dự án tiềm năng như Lô B và Cá Voi Xanh vẫn chưa thể phát huy hiệu quả do gặp trở ngại lớn về vốn đầu tư và yêu cầu công nghệ cao.

Dù vậy, triển vọng trong trung hạn được dự báo sẽ có nhiều tín hiệu tích cực nhờ sự gia tăng nhu cầu giàn khoan trong năm 2025, khi nhiều dự án quy mô lớn như Đại Hùng giai đoạn 3, Sư Tử Trắng giai đoạn 2B và Lô B - Ô Môn bước vào giai đoạn triển khai.

Đặc biệt, kế hoạch tăng vốn giải ngân cho hoạt động thăm dò dầu khí lên đến 1,3 tỷ USD - tương đương mức tăng khoảng 60% - sẽ tạo điều kiện thúc đẩy tiến độ tại các mỏ chiến lược như Lạc Đà Vàng, Nam Du - U Minh, Thiên Nga và Hải Âu.

Bên cạnh đó, hoạt động mời thầu các lô dầu khí mới trên thêm lục địa Việt Nam trong năm 2025 được kỳ vọng sẽ thu hút thêm nguồn vốn đầu tư và công nghệ hiện đại từ các đối tác quốc tế, qua đó góp phần tăng cường năng lực khai thác và từng bước đảm bảo ổn định nguồn cung dầu mỏ trong nước.

■ *Cầu dầu mỏ:*

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước năm 2025 được dự báo có xu hướng giảm nhẹ so với năm trước. Nguyên nhân đến từ việc kinh tế phục hồi chậm hơn kỳ vọng, cùng với xu hướng tiết giảm chi tiêu trong bối cảnh lạm phát tăng và thu nhập thực tế của người dân chưa cải thiện rõ rệt.

Ngoài ra, việc đẩy mạnh các chính sách khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, cùng sự gia tăng sử dụng xe điện và các phương tiện tiết kiệm nhiên liệu cũng sẽ làm giảm mức tiêu thụ xăng dầu truyền thống. Bên cạnh đó, nhu cầu từ các ngành công nghiệp và logistics cũng giảm do hoạt động sản xuất chưa đạt tốc độ phục hồi cao.

■ *Diễn biến giá:*

Giá xăng dầu trong nước trong thời gian tới được dự báo có xu hướng giảm nhẹ hoặc ổn định ở mức thấp, do nhu cầu tiêu thụ giảm và nguồn cung toàn cầu được cải thiện. Thêm vào đó, việc các quốc gia sản xuất dầu lớn như OPEC+ có thể nới lỏng các chính sách hạn chế sản lượng, cùng với những biến động địa chính trị dần lắng xuống, sẽ làm giảm áp lực tăng giá.

Ngoài ra, trong nước, các chính sách điều hành giá xăng dầu linh hoạt và bám sát diễn biến thị trường của Chính phủ sẽ góp phần bình ổn thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp và người tiêu dùng, đồng thời tạo dư địa cho tăng trưởng trong các ngành kinh tế trọng điểm.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung khí:*

Trong tháng 5/2025, thị trường khí đốt toàn cầu tiếp tục chịu áp lực nguồn cung thắt chặt, ảnh hưởng đến giá cả và chiến lược nhập khẩu của các quốc gia.

Lượng khí đốt của Nga qua đường ống đến châu Âu tăng 10,3% so với tháng 4, phần nào bù đắp gián đoạn do mở Troll của Na Uy cắt giảm công suất ngoài kế hoạch và bảo trì tại Nyhamna, Aasta Hansteen. Do đó, châu Âu phải tăng nhập khẩu LNG bằng đường biển để đảm bảo nguồn cung.

Tại Bắc Mỹ, sản lượng khí đốt tiếp tục tăng đạt mức cao kỷ lục, nhưng việc bảo trì tại các nhà máy xuất khẩu LNG, đặc biệt là Sabine Pass, khiến xuất khẩu giảm xuống còn 8,9 triệu tấn, thấp hơn mức 9,3 triệu tấn của tháng 4.

Bên cạnh đó, Qatar và Australia vẫn giữ vai trò quan trọng trên thị trường LNG toàn cầu, cung cấp lượng lớn khí đốt cho châu Á và châu Âu, giúp cân bằng nguồn cung trong bối cảnh nhiều biến động.

■ *Cầu khí:*

Nhu cầu khí đốt toàn cầu trong tháng qua có nhiều biến động đáng chú ý, với sự tăng nhẹ tại một số khu vực trọng điểm như Châu Á và Ấn Độ, trong khi các thị trường lớn khác như Trung Quốc và châu Âu tiếp tục ghi nhận sự suy giảm do ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế và khí hậu.

Tại Châu Á, nhập khẩu LNG trong tháng 5 đạt khoảng 22,53 triệu tấn, tăng so với mức 21,89 triệu tấn của tháng 4, nhưng vẫn giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh xu hướng nhu cầu yếu hơn trong năm nay.

Trong đó, Trung Quốc - quốc gia nhập khẩu LNG lớn nhất thế giới - ước tính đã giảm lượng LNG nhập khẩu xuống còn 4,61 triệu tấn trong tháng 5, thấp hơn mức 4,86 triệu tấn của tháng 4. Nguyên nhân chính là giá LNG giao ngay cao, khiến khí đốt nhập khẩu khó cạnh tranh với sản lượng trong nước và khí đốt tự nhiên cung cấp qua đường ống từ Trung Á và Nga.

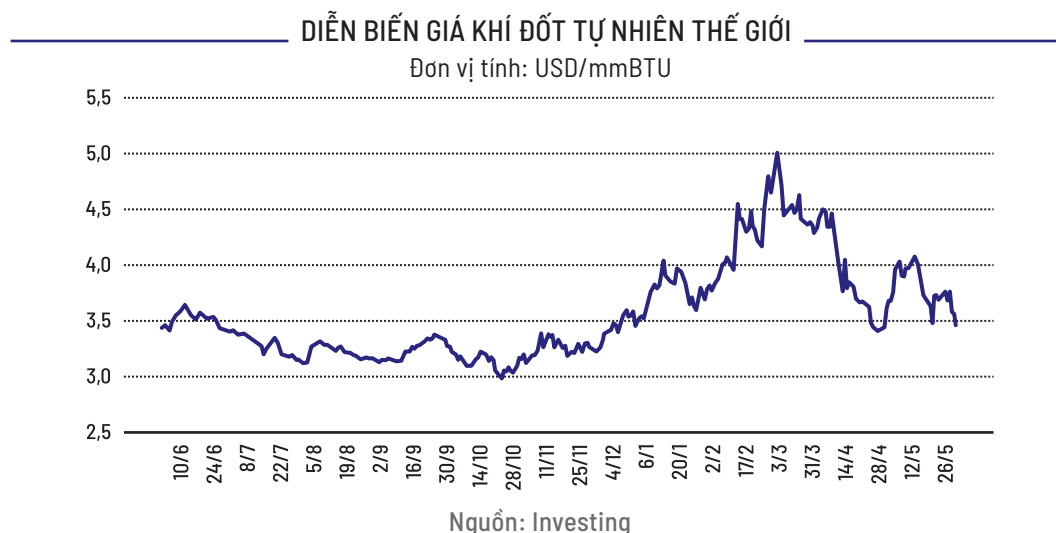
Ngoài ra, nhu cầu LNG tại châu Âu tiếp tục giảm, xuống còn 9,91 triệu tấn trong tháng 5, so với 10,37 triệu tấn của tháng 4.

Ngược lại, tại Ấn Độ, nhu cầu khí đốt tăng mạnh nhờ các đợt nắng nóng kéo dài trong mùa hè 2024, thúc đẩy việc sử dụng khí đốt làm nhiên liệu phát điện tăng tới 32% so với cùng kỳ năm trước.

Tương tự Ấn Độ, Ai Cập cũng gia tăng nhu cầu sử dụng khí tự nhiên hóa lỏng với giá rẻ nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng năng lượng trong nước ngày càng nghiêm trọng.

■ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 5/2025, giá khí đốt tự nhiên trên thị trường toàn cầu đã có xu hướng giảm rõ rệt sau khi chạm đỉnh cao nhất vào cuối tháng trước. Giá bắt đầu ở mức cao vào đầu tháng rồi dần giảm và dao động quanh ngưỡng 3.500 USD/mmBTU trong những ngày giữa và cuối tháng. Sự giảm giá này thể hiện sự điều chỉnh của thị trường sau giai đoạn tăng mạnh trước đó, có thể xuất phát từ các nguyên nhân như nhu cầu tiêu thụ giảm nhẹ hoặc nguồn cung được cải thiện. Những diễn biến này cho thấy thị trường khí đốt tự nhiên toàn cầu đang có sự điều chỉnh rõ nét, trong đó các yếu tố cung cầu tiếp tục giữ vai trò quyết định đối với diễn biến giá.



2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 5/2025, thị trường khí tại Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng ổn định, đặc biệt ở mảng bán lẻ gas khi giá cả không có nhiều biến động.

Giá gas bán lẻ trong nước vẫn giữ nguyên so với tháng trước, đánh dấu tháng thứ hai liên tiếp không có sự điều chỉnh giá. Mặc dù giá gas thế giới bình quân trong tháng 5/2025 giảm nhẹ xuống mức 600 USD/tấn (giảm 10 USD/tấn so với tháng 4), nhưng do biến động tỷ giá USD nên các doanh nghiệp vẫn quyết định giữ nguyên mức giá bán lẻ trong nước.

Tính từ đầu năm đến nay, giá gas trong nước đã có hai lần giảm (tháng 1 và tháng 3) và ba lần giữ nguyên (tháng 2, 4 và 5), phản ánh xu hướng ổn định của thị trường.

Bên cạnh đó, dự trữ khí gas (LPG) trong nước vẫn dồi dào, đồng thời việc nhập khẩu từ các đối tác lớn như Hàn Quốc và Trung Đông diễn ra thuận lợi, không gặp trở ngại về logistics.

Đáng chú ý, trong tháng 5, Việt Nam có những bước tiến quan trọng trong hợp tác quốc tế và chiến lược phát triển thị trường LNG. Thủ tướng Chính phủ đã đề nghị các bộ, ngành và địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho Tập đoàn Excelerate Energy (Mỹ) đầu tư, phát triển hạ tầng LNG và thành lập liên doanh với đối tác trong nước nhằm mở rộng thị trường và đảm bảo nguồn cung LNG ổn định trong dài hạn.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung khí:*

Dự báo nguồn cung khí đốt toàn cầu trong giai đoạn 2025-2027 sẽ tiếp tục tăng trưởng nhưng đi kèm nhiều biến động do ảnh hưởng của địa chính trị và chính sách thương mại.

Mỹ, Qatar và một số quốc gia châu Phi dự kiến mở rộng đáng kể sản lượng LNG, trong đó Mỹ có thể duy trì vị thế là nước xuất khẩu LNG hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, xung đột Nga-Ukraine và các rủi ro an ninh năng lượng ở châu Âu có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, Liên minh châu Âu cũng đang áp dụng các chính sách khí hậu chặt chẽ hơn, ảnh hưởng đến các nhà cung cấp LNG truyền thống.

Trong bối cảnh đó, sự cạnh tranh giữa các thị trường lớn như châu Âu và châu Á dự báo sẽ tiếp tục gia tăng, làm trầm trọng thêm áp lực nguồn cung, đặc biệt khi nhu cầu vẫn duy trì ở mức cao và hạ tầng cung ứng chưa bắt kịp.

■ *Cầu khí:*

Dự báo trong giai đoạn 2025-2030, nhu cầu khí đốt toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng mạnh, chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu trong ngành phát điện và công nghiệp.

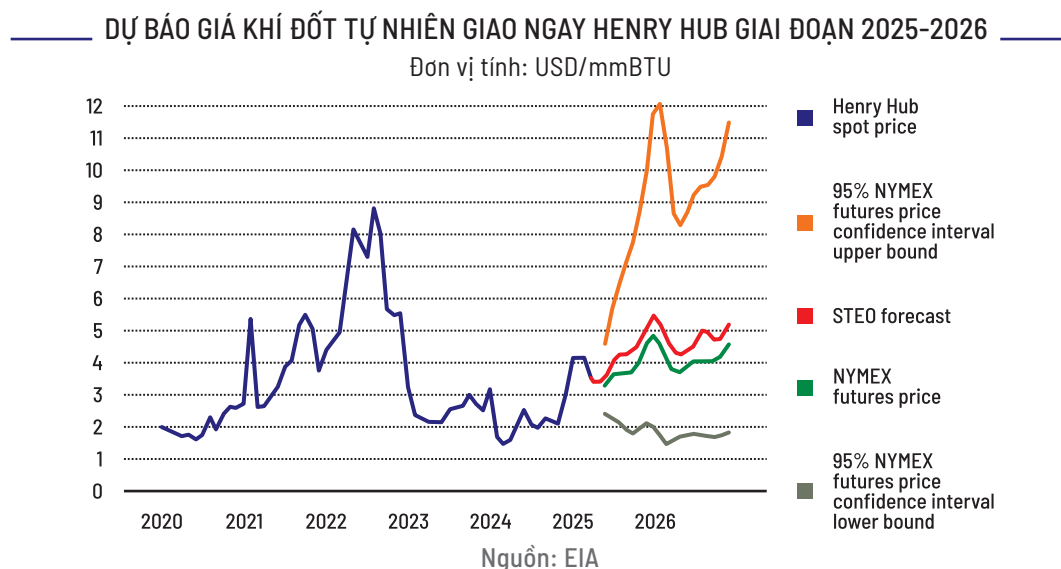
Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Trung Quốc tiếp tục đóng vai trò là điểm sáng trên thị trường khi dự kiến tiêu thụ khoảng 456 tỷ mét khối khí trong ***năm 2025, tăng 6,5% so với năm 2024***. Sự gia tăng này phản ánh quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, cùng với việc chính phủ nước này đẩy mạnh chính sách chuyển đổi từ các nhiên liệu gây ô nhiễm sang khí đốt nhằm giảm phát thải và tăng cường an ninh năng lượng.

Về dài hạn, ngày 20/5, *Woodside Energy dự báo nhu cầu khí đốt toàn cầu có thể tăng tới 50% vào năm 2030, trong đó Đông Nam Á được đánh giá là khu vực có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất*. Khu vực này đang chuyển đổi cơ cấu năng lượng để đáp ứng nhu cầu điện ngày càng lớn, đặc biệt là từ các trung tâm dữ liệu và các dự án điện khí.

Theo đó, Woodside Energy dự báo đến năm 2050, khí đốt sẽ chiếm khoảng 30% trong tổng cơ cấu năng lượng sơ cấp của Đông Nam Á, với nhu cầu LNG dự kiến tăng tới 182% trong 10 năm tới - đưa khu vực này trở thành một trong những thị trường LNG phát triển nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn, các quốc gia như Indonesia và Malaysia sẽ cần đẩy mạnh thăm dò và khai thác các mỏ khí mới, đặc biệt là tại các vùng biển xa bờ, nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định và an ninh năng lượng dài hạn.

■ Diễn biến giá:

Ngày 6/5, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên sẽ có xu hướng tăng trong những tháng tới. Cụ thể, *EIA dự báo giá giao ngay của Henry Hub dự kiến đạt trung bình gần 4,20 USD/MMBtu trong quý III/2025*, gần gấp đôi mức giá cùng kỳ năm trước. Đà tăng giá này chủ yếu do Mỹ tăng cường xuất khẩu LNG và nhu cầu sử dụng khí đốt trong ngành điện tăng cao theo mùa hè. Mặc dù nhu cầu khí đốt tăng, dự báo giá cao cũng khiến mức sử dụng khí đốt trong ngành điện trung bình năm nay giảm nhẹ so với năm ngoái, phản ánh sự điều chỉnh linh hoạt của thị trường trước biến động giá.



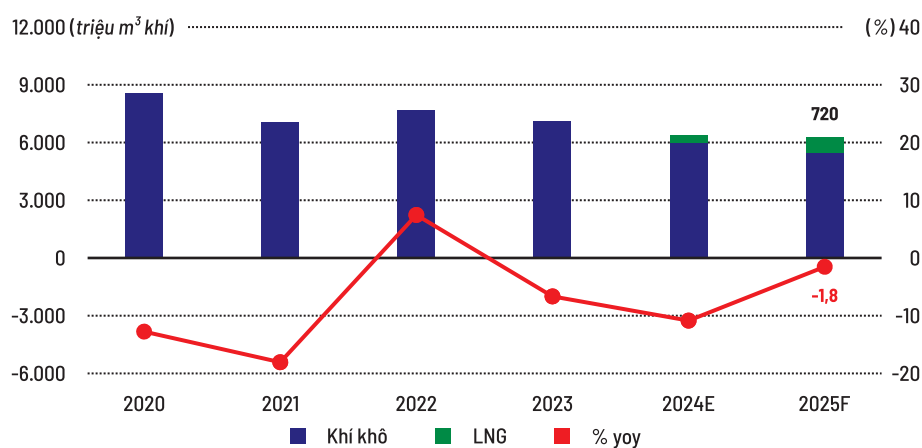
2.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo trong thời gian tới, thị trường khí tự nhiên của Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều thách thức khi nguồn cung trong nước suy giảm do các mỏ khí lớn như Bạch Hổ, Nam Côn Sơn và Cửu Long giảm sản lượng khai thác rõ rệt.

Mặc dù nhu cầu sử dụng khí cho phát điện, sản xuất phân bón, công nghiệp và sinh hoạt tiếp tục tăng cao, sản lượng khí tiêu thụ sẽ tiếp tục sụt giảm nhẹ khoảng 1,8% so với cùng kỳ năm trước (year-over-year - YoY), đạt khoảng 6.330 triệu m³ khí trong năm 2025, chủ yếu do sản lượng khí khô nội địa giảm mạnh hơn khả năng cung cấp khí LNG. Đặc biệt, sản lượng khí khô được dự báo sẽ giảm khoảng 9,5%

so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tại khu vực Đông Nam Bộ do các mỏ hiện hữu giảm sản lượng trong khi các mỏ thay thế như Sư Tử Trắng GĐ 2B, Thiên Nga - Hải Âu chưa đi vào hoạt động.

DỰ PHÓNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ KHÍ CỦA VIỆT NAM NĂM 2025



Nguồn: GAS, FPTS

Trong bối cảnh đó, Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu LNG, dẫn đến rủi ro chi phí tăng cao do biến động giá LNG trên thị trường thế giới.

Trong ngắn hạn, giá LNG nhập khẩu dự kiến vẫn duy trì xu hướng tăng do sự bất ổn về cung cầu toàn cầu và chi phí vận chuyển tăng, làm tăng chi phí sản xuất điện từ khí và tạo áp lực lên ngành năng lượng trong nước.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung phân bón:*

Trong tháng 5/2025, nguồn cung phân bón trên thị trường thế giới tiếp tục gặp nhiều thách thức do một số nhà sản xuất lớn gặp khó khăn trong khâu nguyên liệu đầu vào và bảo trì nhà máy.

Một số khu vực sản xuất chính như Bắc Mỹ và châu Âu ghi nhận sự giảm công suất sản xuất do giá khí tự nhiên tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất phân bón ure và amoniac.

Đồng thời, các biện pháp hạn chế xuất khẩu phân bón từ một số quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc và Nga cũng góp phần làm giảm lượng phân bón lưu thông trên thị trường thế giới.

■ *Cầu phân bón:*

Nhu cầu phân bón trên thị trường thế giới tăng mạnh trong tháng qua, nhất là ở các khu vực nông nghiệp trọng điểm như Đông Nam Á, Nam Mỹ và châu Phi. Các quốc gia này đang chuẩn bị bước vào mùa vụ chính với diện tích gieo trồng mở rộng nhằm đảm bảo nguồn cung lương thực trước bối cảnh biến đổi khí hậu và gia tăng dân số toàn cầu.

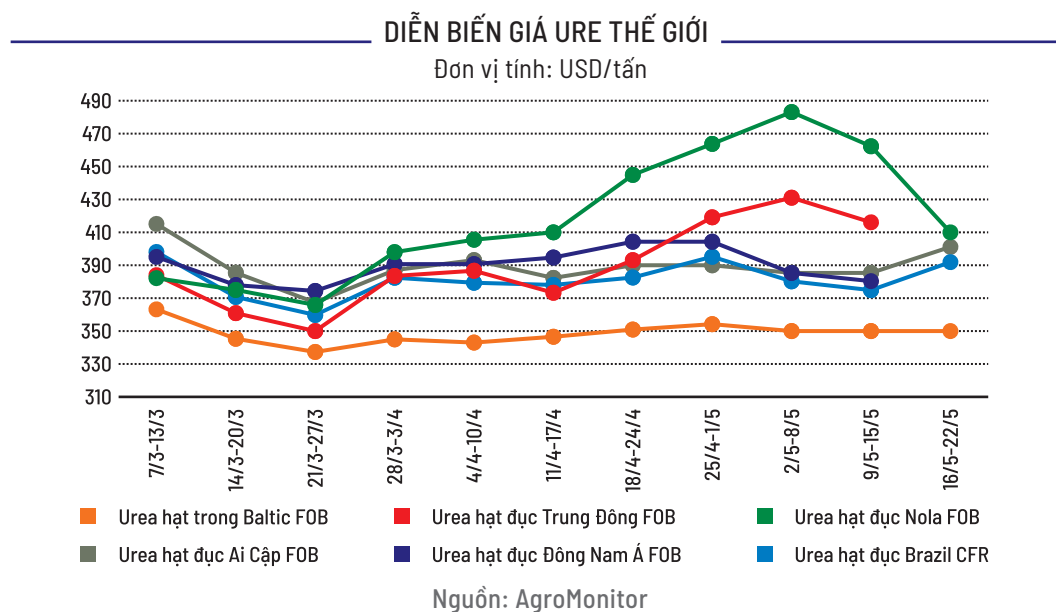
Ngoài ra, giá nông sản tăng cao trong những tháng đầu năm đã thúc đẩy người nông dân tăng cường sử dụng phân bón để tối ưu hóa năng suất cây trồng, đặc biệt là các loại phân ure, DAP và phân kali.

Mặt khác, một số quốc gia cũng tăng cường dự trữ phân bón để phòng ngừa rủi ro về nguồn cung trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, từ đó làm gia tăng sức ép lên nhu cầu tiêu thụ phân bón toàn cầu.

■ *Diễn biến giá:*

Do sự chênh lệch rõ rệt giữa nguồn cung giảm và nhu cầu tăng mạnh, giá phân bón trên thị trường thế giới trong tháng 5/2025 đã có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước.

Giá ure và DAP tiếp tục duy trì ở mức cao, phản ánh áp lực từ chi phí đầu vào và nguồn cung hạn chế. Đặc biệt, giá ure thế giới trong tuần cuối tháng 5 ghi nhận biến động trái chiều tại các thị trường lớn. Đầu tháng, giá tăng tại thị trường Nola (Mỹ) và Trung Đông, nhưng sau đó giảm dần vào cuối tháng. Trong khi đó, giá ure tại các khu vực như Brazil, Đông Nam Á, Baltic và Ai Cập tương đối ổn định.



Ngoài ra, một số loại phân bón chuyên dụng như NPK và phân hữu cơ vi sinh cũng ghi nhận mức tăng giá đáng kể do chi phí sản xuất cao và nhu cầu từ các thị trường nông nghiệp phát triển. Xu hướng tăng giá này được dự báo sẽ tiếp tục trong các tháng tới nếu tình trạng thắt chặt nguồn cung không được cải thiện và nhu cầu từ các vụ mùa lớn tiếp tục duy trì ở mức cao.

3.1.2. Thị trường trong nước

■ *Cung phân bón:*

Trong tháng 5/2025, nguồn cung phân bón trong nước tiếp tục được đảm bảo nhờ sự chủ động mở rộng công suất và nâng cấp công nghệ của các nhà máy lớn như Đạm Phú Mỹ, Đạm Cà Mau và DAP Đình Vũ.

Tổng lượng cung ước đạt khoảng 11,5 - 12 triệu tấn, vượt nhu cầu tiêu thụ trong nước (khoảng 10 - 10,5 triệu tấn), góp phần duy trì sự ổn định cung - cầu trên thị trường.

■ *Cầu phân bón:*

Nhu cầu phân bón tăng nhẹ trong tháng do thời tiết thuận lợi sau khi hiện tượng La Nina đã kết thúc, tạo điều kiện cho hoạt động gieo trồng tại nhiều địa phương.

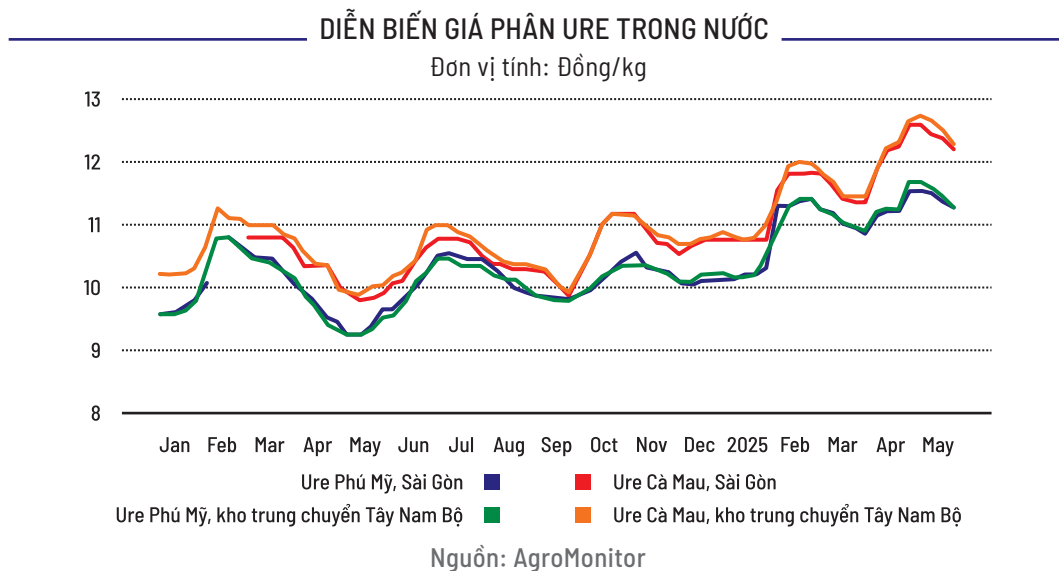
Đặc biệt, nhu cầu phân bón tăng mạnh cho vụ lúa Hè Thu ở Đồng bằng sông Cửu Long và cho cây công nghiệp vào đầu mùa mưa tại Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Ngoài ra, phân Lân ghi nhận tình trạng khan hiếm cục bộ tại khu vực miền Nam, góp phần làm gia tăng nhu cầu cục bộ.

■ *Diễn biến giá:*

Tháng 5/2025 ghi nhận xu hướng giá phân bón biến động theo hướng tăng nhẹ. Một số nhà máy sản xuất NPK thông báo tăng giá từ 100 - 1.000 đồng/kg tùy sản phẩm.

Giá phân bón trong nước bị tác động không chỉ bởi cung - cầu nội địa mà còn bởi xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới. Các chi phí đầu vào như điện, xăng dầu, nhân công và vận chuyển đều ở mức cao, gây áp lực lên giá thành sản phẩm.

Trong khi giá Kali tiếp tục tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong khu vực Đông Nam Á, thì giá ure có xu hướng giảm nhẹ trong tháng qua.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung phân bón:*

Nguồn cung phân bón toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực trong nửa cuối năm 2025.

Ngày 22/5, Nghị viện châu Âu đã phê duyệt gói thuế quan đối với phân bón nhập khẩu từ Nga và Belarus, các mức thuế này dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7/ 2025 và áp dụng dần trong 4 năm sẽ làm giảm đáng kể khả năng cạnh tranh của hai quốc gia này tại thị trường EU, vốn chiếm khoảng 30% ure và 25% phân phosphate nhập khẩu của khối này năm 2023.

Trong bối cảnh đó, các quốc gia khác đang có cơ hội mở rộng thị phần, đáng chú ý là Nigeria - nước đang chịu thuế nhập khẩu chỉ 6,5% và có nhà máy sản xuất ure lớn (3 triệu tấn/năm) do Dangote Fertilizer vận hành.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng sẽ nối lại xuất khẩu vào mùa hè, nhưng tình trạng gián đoạn từ Nga (bảo dưỡng nhà máy) và Ai Cập (giảm 20% công suất do thiếu khí đốt) tiếp tục làm thắt chặt nguồn cung ure và DAP.

■ *Cầu phân bón:*

Từ giữa năm 2025, nhu cầu phân bón dự báo sẽ tăng mạnh tại các thị trường trọng điểm như Ấn Độ, Australia, Ethiopia, Đông Nam Á và Mỹ Latinh, khi các quốc gia này bước vào mùa vụ canh tác lớn. Nhu cầu tăng tập trung vào các loại phân chủ lực như ure và DAP.

Riêng tại Đông Nam Á, tình hình căng thẳng biên giới giữa Thái Lan và Campuchia có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại, khiến Campuchia gặp khó khăn trong việc nhập khẩu phân bón từ Thái Lan - một nguồn cung truyền thống. Điều này được dự báo sẽ làm tăng nhu cầu nhập khẩu phân bón từ Việt Nam trong vụ gieo trồng sắp tới.

■ *Diễn biến giá:*

Giá ure thế giới dự báo giảm nhẹ trong ngắn hạn (30-60 ngày) khi Trung Quốc quay lại xuất khẩu từ tháng 6/2025. Tuy nhiên, giá sẽ phục hồi nhanh sau đó do nhu cầu tăng mạnh và nguồn cung tiếp tục bị thắt chặt từ Nga và Ai Cập.

3.2.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu phân bón dự kiến tăng trong giai đoạn đầu vụ mới, đặc biệt sau khi thu hoạch lúa vào tháng 5, khi nông dân bắt đầu tái gieo trồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của vụ cadimi, nhu cầu đối với phân DAP có xu hướng giảm, trong khi đó nhu cầu phân đơn như phân Lân và phân Kali lại có chiều hướng gia tăng.

Trong dài hạn, thị trường phân bón Việt Nam dự kiến sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức đan xen cùng những cơ hội tăng trưởng mới. Trong bối cảnh sản lượng khai thác khí tự nhiên từ các mỏ chính như Bạch Hổ và Nam Côn Sơn tiếp tục giảm, các doanh nghiệp sản xuất phân ure sẽ tiếp tục gặp khó khăn về chi phí nguyên liệu đầu vào và việc duy trì công suất ổn định. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ phân ure trong nước được dự báo sẽ tăng khoảng 6% trong giai đoạn này, cho thấy ngành nông nghiệp vẫn duy trì mức sản xuất cao, mặc dù hiện nay Việt Nam đang sử dụng phân bón với lượng gấp 3 lần mức trung bình toàn cầu.

Trong khi đó, các dòng phân khác như phân lân và phốt phát có triển vọng tăng trưởng chậm hơn, phụ thuộc lớn vào động thái xuất khẩu của các quốc gia như Trung Quốc và Maroc. Dự báo cho thấy nhu cầu phốt phát sẽ chỉ tăng nhẹ dưới 2% vào năm 2026.

Ngoài ra, Luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi với chính sách cho phép khấu trừ thuế đầu vào đang mang lại lợi thế nhất định cho các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm NPK như Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM), khi các nguyên liệu đầu vào như axit được áp dụng thuế suất 10%. Điều này góp phần cải thiện biên lợi nhuận và hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua giai đoạn biến động của thị trường nguyên liệu toàn cầu.

MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT THUẾ VAT SỬA ĐỔI
ĐẾN CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT PHÂN BÓN TẠI VIỆT NAM

SẢN PHẨM	Doanh nghiệp	Thuế suất VAT đầu ra	Nguyên liệu đầu vào	Thuế suất VAT đầu vào được khấu trừ
Phân Urê	DPM, DCM, DHB, Đạm Ninh Bình	5%	Than	10%
			Khí thiên nhiên	5%
Phân Lân	LAS, SFG, VAF, NFC, DDV, DGC	5%	Quặng Apatit	5%
			Lưu huỳnh	10%
Phân NPK	BFC, LAS, DPM(*), DCM	5%	Phân Urê/SA	5%
			Phân Lân/MAP/DAP	5%
			Phân Kali	5%

(*) NPK của DPM được hưởng lợi nhiều hơn do nguyên liệu đầu vào là các loại axit có thuế suất thuế GTGT là 10%

Nguồn: FPTIS

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Tháng 5/2025 ghi nhận nhiều diễn biến đáng chú ý trong ngành điện thế giới, thể hiện rõ xu hướng chuyển dịch năng lượng và những thách thức lớn đối với hạ tầng lưới điện.

Tại châu Âu, Pháp đang tiến hành điều tra nguyên nhân gây ra mất điện nghiêm trọng ở nhiều khu vực, trong đó vùng Alpes-Maritimes, bao gồm thành phố Cannes, bị ảnh hưởng nặng nề vào ngày 24/5. Sự cố này làm nổi bật các vấn đề về ổn định và quản lý hệ thống điện trong bối cảnh chuyển đổi sang các nguồn năng lượng mới.

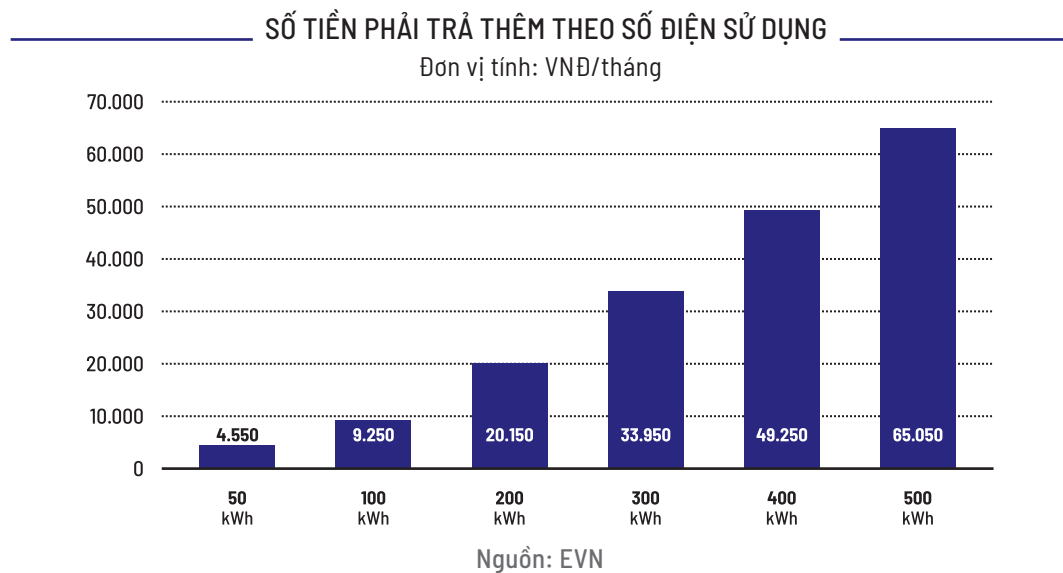
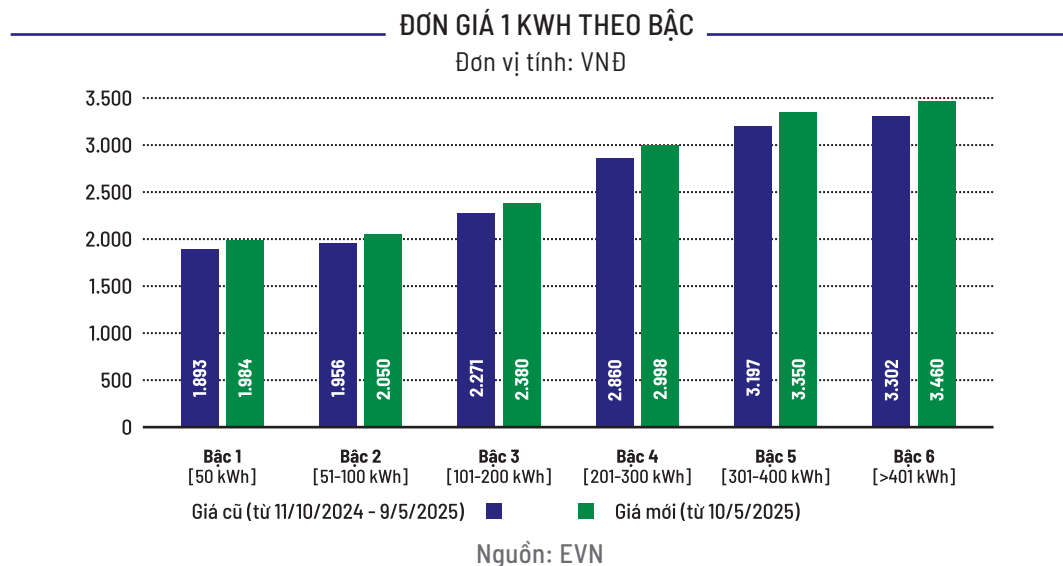
Trái lại, châu Á lại thể hiện sự phát triển năng lượng điện tích cực khi Trung Quốc tiếp tục dẫn đầu đầu tư vào năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió. Trong tháng 5, quốc gia này đã bổ sung thêm 19 GW công suất điện mặt trời và 3 GW điện gió, nâng tổng công suất lắp đặt trong năm 2024 lên lần lượt 79 GW và 20 GW, tương ứng mức tăng trưởng 29% và 21% so với năm trước.

Tại Ấn Độ, do mùa hè nóng bức, nhu cầu điện tăng mạnh, các công ty điện lực đã chủ động nâng cao năng lực truyền tải và tăng cường nhập khẩu điện từ các nguồn nhiệt điện nhằm đảm bảo cung ứng ổn định.

Trong khi đó, tình trạng thiếu điện vẫn xảy ra tại một số khu vực, đặc biệt ở các nước đang phát triển như Nam Phi, Brazil và Pakistan... khi nguồn cung điện chưa đáp ứng đủ nhu cầu tăng cao trong mùa hè hoặc mùa khô.

4.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện Việt Nam trong tháng 5/2025 tiếp tục có nhiều biến động với việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân tăng 4,8% so với giá hiện hành, chính thức có hiệu lực từ ngày 10/5/2025. Theo đó, giá bán lẻ điện bình quân tăng từ 2.103,11 đồng lên 2.204,0655 đồng một kWh (chưa gồm thuế VAT).



Bên cạnh đó, sản lượng điện truyền tải trong tháng 5 ước đạt khoảng 22,9 tỷ kWh, nâng tổng sản lượng lũy kế 5 tháng đầu năm 2025 lên khoảng 101,73 tỷ kWh, cho thấy nhu cầu điện vẫn duy trì ở mức cao do nhu cầu sử dụng vào mùa hè cao.

Đáng chú ý, ngày 17/5, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - nhà máy sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) đầu tiên của Việt Nam - đã đạt mốc kỹ thuật quan trọng khi vận hành ổn định liên tục 24 giờ ở công suất tối đa 812 MW. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình đưa nhà máy vào vận hành thương mại, mở ra triển vọng tăng cường nguồn cung điện xanh và hiệu quả cho hệ thống điện quốc gia.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo trong thời gian tới, nhu cầu tiêu thụ điện sẽ tiếp tục gia tăng mạnh mẽ, chủ yếu được thúc đẩy bởi sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), trung tâm dữ liệu, phương tiện giao thông điện, hệ thống điều hòa không khí, cùng với quá trình điện hóa sâu rộng trong các ngành công nghiệp và giao thông vận tải.

Trong đó, hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ tiếp tục dẫn dắt mức tăng trưởng này với mức tiêu thụ điện ngày càng gia tăng đáng kể.

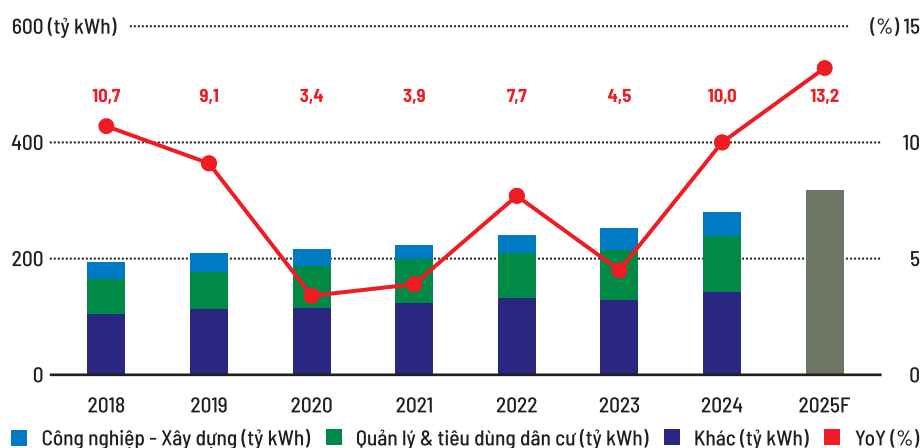
Trước áp lực tăng trưởng nhu cầu, các nguồn năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp phần lớn điện năng mới, với dự báo năng lượng mặt trời chiếm gần một nửa tổng mức tăng trưởng.

Ngoài ra, năm 2025 dự báo sẽ trở thành năm đánh dấu cột mốc kỷ lục về công suất điện mặt trời tại châu Âu, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và đẩy mạnh chuyển dịch sang nền năng lượng xanh, bền vững. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của nguồn cung điện tái tạo cũng đặt ra những thách thức lớn về đầu tư hạ tầng lưới điện, khi chi phí nâng cấp và mở rộng mạng lưới hiện hữu chưa bắt kịp tốc độ phát triển của nguồn điện mới và nhu cầu sử dụng ngày càng gia tăng.

4.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo thị trường điện Việt Nam sẽ tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng mạnh với sản lượng điện thương phẩm dự kiến tăng khoảng 13,2% trong năm 2025, tương ứng sản lượng điện toàn hệ thống tăng thêm khoảng 33,6 tỷ kWh so với năm 2024.

DIỄN BIẾN SẢN LƯỢNG ĐIỆN THƯƠNG PHẨM VÀ DỰ BÁO NĂM 2025

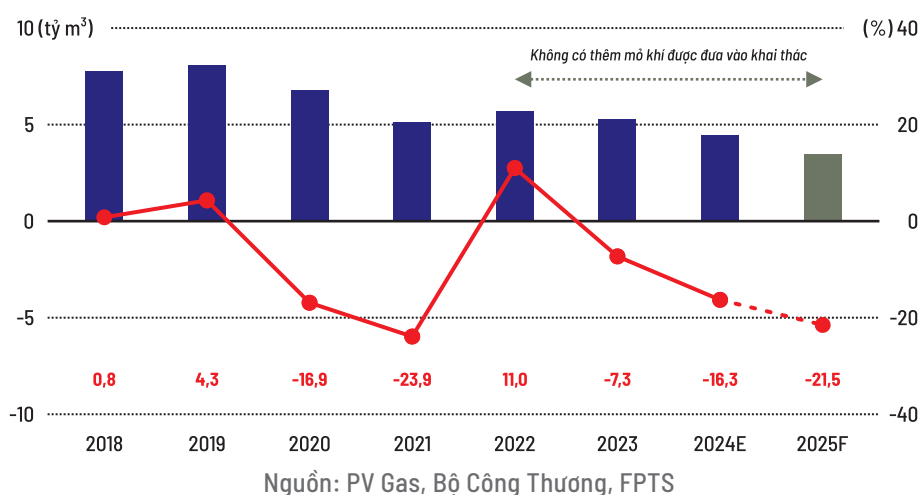


Nguồn: EVN, Bộ Công Thương

Về cơ cấu nguồn điện, thủy điện - nguồn có giá thành thấp - dự báo chỉ đóng góp khoảng 25% sản lượng toàn hệ thống trong năm 2025, trong khi 75% còn lại sẽ phụ thuộc vào các nguồn điện có giá thành cao hơn như nhiệt điện than, khí, dầu và năng lượng tái tạo. Đáng chú ý, sản lượng điện tăng thêm chủ yếu sẽ được huy động từ các nguồn nhiệt điện chi phí cao như nhiệt điện chạy dầu, nhiệt điện tuabin khí hóa lỏng (LNG) và nhiệt điện than nhập khẩu.

Mặt khác, nguồn cung khí cho các nhà máy nhiệt điện khí đang suy giảm do thiếu hụt khí tự nhiên và không có mỏ khí mới nào dự kiến khai thác trong năm 2025, khiến dự báo sản lượng khí cung cấp giảm khoảng 21,5% so với năm trước, chỉ đạt 3,1 tỷ m³.

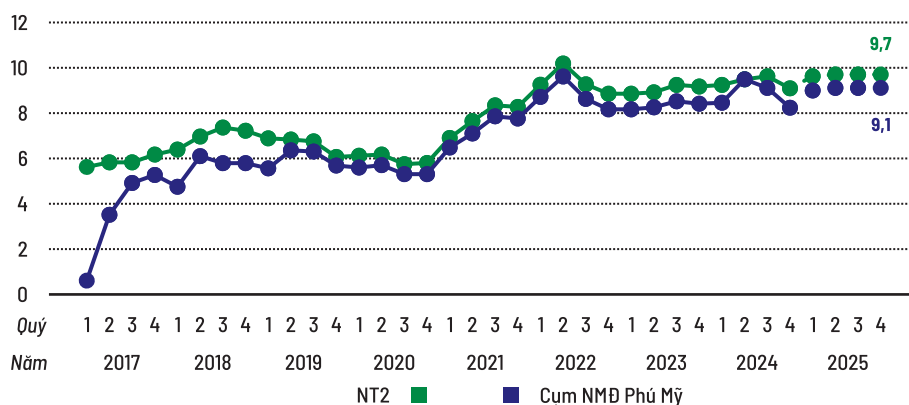
SẢN LƯỢNG KHÍ CUNG CẤP CHO SẢN XUẤT ĐIỆN VÀ DỰ BÁO NĂM 2025



Bên cạnh đó, chi phí mua khí của các nhà máy điện dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, từ 8,8 đến 9,4 USD/MMBTU, và dự kiến tăng thêm khoảng 3,3% lên 9,1 - 9,7 USD/MMBTU do tỷ trọng sử dụng khí LNG nhập khẩu và khí từ các mỏ mới với giá và phí vận chuyển cao hơn, đồng thời chi phí vận chuyển và phân phối cũng có xu hướng tăng.

GIÁ MUA KHÍ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHIỆT ĐIỆN KHÍ VÀ DỰ BÁO NĂM 2025

Đơn vị tính: USD/mmBTU





PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 5/2025 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại nhằm đảm bảo minh bạch toàn diện trong vận chuyển, giao nhận và tiêu thụ sản phẩm dầu khí, từ đó giảm thiểu gian lận, nâng cao an toàn và củng cố niềm tin của khách hàng, đối tác cũng như các cơ quan quản lý nhà nước trong toàn bộ chuỗi giá trị.
- Phát triển mô hình kinh doanh dịch vụ năng lượng trọn gói (Energy-as-a-Service) nhằm mở rộng phạm vi cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp, bao gồm quản lý năng lượng, tối ưu hóa tiêu thụ và hỗ trợ chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo, qua đó đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực số hóa cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, nhằm trang bị kỹ năng vận hành công nghệ cao, nâng cao năng suất và khả năng thích ứng với chuyển đổi số trong ngành dầu khí.
- Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp phụ trợ từ dầu khí, đặc biệt tập trung vào các vật liệu có hàm lượng carbon thấp như nhựa sinh học và vật liệu thân thiện môi trường, góp phần xây dựng chuỗi cung ứng bền vững, đáp ứng xu hướng thị trường xanh và gia tăng giá trị sản phẩm.
- Đẩy mạnh xây dựng các nội dung truyền thông sáng tạo dựa trên phương pháp kể chuyện số hóa, kết hợp trải nghiệm thực tế ảo (VR/AR)... để giới thiệu các dự án, quy trình vận hành và cam kết phát triển bền vững của Petrovietnam, qua đó tăng cường tương tác với đối tác, khách hàng và cộng đồng, đồng thời nâng cao hình ảnh tiên phong trong đổi mới công nghệ và phát triển xanh.
- Xây dựng chương trình đào tạo bài bản, kết hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ công nhân viên, đồng thời đầu tư xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tự động phát hiện sớm, cảnh báo và ứng phó kịp thời trước các mối đe dọa mạng, đảm bảo an ninh toàn diện cho hệ thống vận hành của Tập đoàn.

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 5 NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 5 năm 2025	5 tháng đầu năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	104,3	109,4	108,8	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	15.100	111.800	99,4	106,1	111,3	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	8.017		88,9	118,8		-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	111.600	-	-	114,4	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.924	-	82,5	111,7	-	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	6.535	-	72,7	143,6	-	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.909	-	109,1	87,2	-	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	55,4	221,8	-	115,3	117,5	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	18,39	-	-	151,2	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	8,9	-	-	107,9	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	574,9	2.851,4	100,4	110,2	109,7	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	39,6	180,23	105,7	117	114	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	39,04	175,56	105,9	114,1	117,5	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 0,56	Xuất siêu 4,67	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,16	103,24	103,21	101,53
7.2	Chỉ số giá vàng				110,47	145,95	135,37	135,25
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,68	102,69	103,35	102,59
7.4	Lạm phát cơ bản				100,33	103,33	103,10	-

A: Tháng 5/2025 so với tháng 4/2025B: Tháng 5/2025 so với tháng 5/2024

C: Bình quân 5 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳD: Tháng 5/2025 so với tháng 12/2024



Ảnh bìa: Thị trường chứng khoán Mỹ
lại chứng kiến một tháng phục hồi ấn tượng.

Freepik



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện